

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số 4572 /BTNMT-PC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến
trước Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI Q. NAM	
ĐẾN	Số: 238
	Ngày: 09/9/2020

Kính gửi: - Ban Dân nguyện-Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thái Bình; Quảng Ninh; Tây Ninh; Hải Phòng; Hồ Chí Minh; Vĩnh Phúc; Gia Lai; Khánh Hoà; Quảng Nam.

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI Q. NAM	
ĐẾN	Số: 238
	Ngày: 09/9/2020
Chuyên:	

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Công văn số 5301/VPCP-QHĐP ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc trả lời kiến nghị của cử tri trước kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XIV, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin trả lời các kiến nghị được phân công như sau:

Câu số 110. Hiện nay, việc nông dân bỏ ruộng hoang vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi cùng với đó là việc xử lý các sai phạm trong vấn đề đất đai ở một số địa phương còn chậm và chưa triệt để. Tình trạng phá vỡ mặt bằng còn xảy ra ở một số địa phương, có tình trạng hộ dân sử dụng đất sai mục đích, việc giải phóng mặt bằng còn chậm, kéo dài, giá đền bù ở một số nơi chưa thỏa đáng, khó khăn cho công tác tuyên truyền, vận động. Cử tri đề nghị Đảng và Nhà nước sớm có giải pháp chỉ đạo các cấp, ngành, địa phương có biện pháp khắc phục tình trạng này, có cơ chế khuyến khích để người dân và doanh nghiệp hợp tác đầu tư, tích tụ ruộng đất, tránh tình trạng bỏ ruộng hoang. Cử tri cũng đề nghị xem xét tăng mức xử phạt đối với các trường hợp vi phạm về đất đai (tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng đất sai mục đích, xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp, lấn chiếm đất công) (cử tri tỉnh Thái Bình).

Bộ Tài nguyên và Môi trường nhận thấy các kiến nghị của cử tri về tình trạng tổ chức thi hành luật chưa nghiêm và còn để xảy ra nhiều sai phạm trong quản lý, sử dụng đất đai là có xảy ra trong thực tế.

Để khắc phục tình trạng nêu trên, ngày 03/01/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai. Nội dung Chỉ thị đã yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, đánh giá đầy đủ tình hình triển khai thi hành pháp luật về đất đai ở các cấp, các ngành để trên cơ sở đó có kế hoạch, biện

pháp cụ thể để chấn chỉnh, xử lý, khắc phục kịp thời; giao Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về đất đai để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai, trong đó đã bổ sung và tăng khung hình phạt xử lý đối với nhiều hành vi vi phạm. Bên cạnh đó, Bộ đã xây dựng và trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Nghị định quy định về khuyến khích tập trung, tích tụ đất đai phục vụ cho sản xuất nông nghiệp để giải quyết các vướng mắc thuộc thẩm quyền Chính phủ liên quan đến thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, tập trung, tích tụ đất đai.

Câu số 111. Đề nghị Chính phủ giao các Bộ, ngành rà soát đánh giá đề nghị Quốc hội sửa Luật, sửa đổi một số quy định tại các điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong triển khai thực hiện, chấp thuận chủ trương đầu tư; lựa chọn chủ đầu tư, giao đất, cho thuê đất, giải phóng mặt bằng... đối với các dự án phát triển nhà ở (cử tri tỉnh Quảng Ninh)

Để đảm bảo thống nhất giữa Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, trong thời gian qua Chính phủ đã tổ chức thực hiện các giải pháp sau đây:

- Tổ chức xây dựng Luật Đầu tư (sửa đổi) để trình Quốc hội thông qua, trong đó có bổ sung quy định về các hình thức lựa chọn nhà đầu tư (đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất và chấp thuận chủ trương đầu tư); sửa đổi, bổ sung quy định về tiếp cận đất đai để thực hiện dự án phát triển nhà ở thương mại;...

- Ban hành Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu, trong đó quy định cụ thể về việc đấu thầu dự án có sử dụng đất và trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với các trường hợp trúng đấu thầu;

- Bên cạnh đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (Tờ trình số 102/TTr-BTNMT ngày 29/12/2019), hiện nay Chính phủ đang xem xét ban hành. Dự thảo Nghị định đã đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến việc tiếp cận đất đai để thực hiện các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh.

Câu số 112. Theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, các dự án đầu tư vào địa bàn ưu đãi đầu tư (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) được miễn tiền thuê đất có thời hạn.

Theo điểm b khoản 2 Điều 118 của Luật Đất đai năm 2013 quy định trường hợp sử dụng đất được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất quy định tại Điều 110 của Luật này thuộc trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất. Nhưng theo điểm d khoản 1 Điều 118 của Luật Đất đai năm 2013 quy định trường hợp sử dụng đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. Vậy các dự án sử dụng đất thương mại dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có phải đấu giá quyền sử dụng đất không? Đề nghị Chính phủ có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp này (cử tri tỉnh Tây Ninh)

Về vấn đề cử tri phản ánh liên quan đến việc đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Để giải quyết khó khăn, vướng mắc mà cử tri phản ánh, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu trình Chính phủ xem xét ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Hiện nay, Nghị định đang được Chính phủ xem xét ban hành.

Câu số 113. Theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật Đất đai năm 2013, doanh nghiệp đầu tư dự án nhưng chưa có đất để thực hiện dự án (các dự án không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất) thì doanh nghiệp sẽ thực hiện tự thỏa thuận với các chủ đất thông qua các hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Luật Đầu tư năm 2014 chỉ công nhận việc chuyển đổi từ nhà đầu tư này sang nhà đầu tư khác của cùng một dự án thông qua hình thức chuyển nhượng dự án. Đồng thời, trường hợp sau khi doanh nghiệp góp vốn hủy góp vốn thì phương án xử lý đối dự án này như thế nào cũng chưa được quy định. Đề nghị Chính phủ hướng dẫn chi tiết đối với trường hợp này (cử tri tỉnh Tây Ninh)

Điều 174, Điều 179 và Điều 183 của Luật Đất đai quy định về quyền “góp vốn bằng quyền sử dụng đất” của tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân và của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất.

Khoản 1 Điều 35 Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định tài sản góp vốn có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị

quyền sử dụng đất,...

Trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh theo hình thức góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư mà không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất thì thực hiện theo quy định tại Điều 73 của Luật Đất đai; Điều 16 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 15 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại khoản 50 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ và Điều 4 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật đất đai hiện hành, trong thời hạn góp vốn, quyền sử dụng đất của người góp vốn bằng quyền sử dụng đất được chuyển giao sang cho người nhận góp vốn và khoản 52 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định việc xử lý quyền sử dụng đất khi chấm dứt việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Góp vốn bằng quyền sử dụng đất là thỏa thuận giữa người sử dụng đất và bên nhận góp vốn. Theo đó, quy định của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP nêu trên xử lý quyền sử dụng đất khi chấm dứt việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên theo quy định của pháp luật về dân sự.

Câu số 114. Tại Điều 204 Luật Đất đai 2013 quy định người sử dụng đất, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về đất đai; nhưng Luật và các văn bản hướng dẫn không quy định, giải thích quyết định bị khiếu nại, bị khởi kiện là quyết định nào. Đề nghị Chính phủ hướng dẫn cụ thể: Quyết định nào là quyết định bị khiếu nại lần hai, hoặc bị khởi kiện hành chính (cử tri tỉnh Tây Ninh)

Điều 204 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về giải quyết khiếu nại, khiếu kiện về đất đai, theo đó khoản 1 Điều 204 của Luật Đất đai năm 2013 quy định người sử dụng đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến sử dụng đất có quyền khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính về quản lý đất đai.

Tại khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về đất đai thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về đất đai thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính”.

Như vậy, việc giải quyết khiếu nại về đất đai được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011 và việc khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Câu số 115. Cử tri phản ánh, Luật Thủy sản và Luật Đất đai 2013 quy định về thẩm quyền cho thuê diện tích đất có mặt nước chuyên dùng còn chồng chéo, không thống nhất về thẩm quyền cho thuê. Đề nghị Chính phủ rà soát lại quy định về thẩm quyền cho thuê diện tích đất có mặt nước chuyên dùng tại Luật Thủy sản và Luật Đất đai, kiến nghị Quốc hội sửa đổi và quy định cụ thể thẩm quyền, giới hạn cho thuê giữa hai luật được thống nhất (cử tri thành phố Hải Phòng)

- Theo quy định tại Điều 59 Luật Đất năm 2013 về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức; Giao đất đối với cơ sở tôn giáo; Giao đất đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 55 của Luật này; Cho thuê đất đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 56 của Luật này; Cho thuê đất đối với tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân. Trường hợp cho hộ gia đình, cá nhân thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 héc ta trở lên thì phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi quyết định; Giao đất đối với cộng đồng dân cư.

+ Ủy ban nhân dân cấp xã cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn.

- Theo quy định tại Điều 140 Luật Đất đai năm 2013 về đất có mặt nước ven biển:

+ Đất có mặt nước ven biển được Nhà nước cho thuê đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, phi nông nghiệp.

+ Việc sử dụng đất có mặt nước ven biển theo quy định sau đây: Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Bảo vệ đất, làm tăng sự bồi tụ đất ven biển; Bảo vệ hệ sinh thái, môi trường và cảnh quan; Không cản trở việc bảo vệ an ninh quốc gia và giao thông trên biển.

- Theo quy định Điều 43 Luật Thủy sản việc giao, cho thuê, thu hồi đất để nuôi trồng thủy sản thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Như vậy, pháp luật về đất và pháp luật về thủy sản đều quy định việc giao đất, cho thuê đất nuôi trồng thủy sản đều thống nhất. Đối với việc giao, cho thuê khu vực ven biển, khu vực biển theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Câu số 116. Kiến nghị Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường tham mưu Thủ tướng Chính phủ quy định về biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bổ sung hình thức cấm xuất cảnh đối với những trường hợp chưa đóng phạt đầy đủ theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; có hướng dẫn cụ thể trong việc xác định và đo nguồn phát tiếng ồn để thuận tiện trong việc xử lý ô nhiễm tiếng ồn (cử tri thành phố Hồ Chí Minh)

- Đối với kiến nghị “tham mưu Thủ tướng Chính phủ quy định về biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường”: Tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV ngày 18/6/2020, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã báo cáo trước Quốc hội về việc cần thiết phải ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 (Quốc hội tiếp tục xem xét, cho ý kiến và thông qua vào kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV), tuy nhiên, nội dung của dự thảo Luật sửa đổi không đề cập đến biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục rà soát và có ý kiến với các cơ quan có liên quan để đề xuất nội dung như cử tri đã nêu.

- Đối với kiến nghị “có hướng dẫn cụ thể trong việc xác định và đo nguồn phát tiếng ồn để thuận tiện trong việc xử lý ô nhiễm tiếng ồn”: Việc xác định và đo tiếng ồn đã được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; quy trình kỹ thuật quan trắc đã được hướng dẫn cụ thể tại Mục 1, Chương II Thông tư số 24/2017/BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang nghiên cứu xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo định hướng hội nhập quốc tế, trên cơ sở đó, sẽ lấy ý kiến và tiếp thu các góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan để ban hành quy chuẩn theo hướng quản lý chặt chẽ hơn và áp dụng thuận tiện hơn.

Câu số 117. Cử tri huyện Vĩnh Tường đề nghị nghiên cứu sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng quy định: “Đơn vị cung cấp điện có trách nhiệm ngừng cấp điện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về sử dụng đất đai, xây dựng công trình trái phép trên đất nông nghiệp”. Đây là hành lang pháp lý quan trọng cho

phép chính quyền các cấp phối hợp với các đơn vị cung cấp điện xử lý, kiểm chế các vi phạm về xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp đang diễn ra ở nhiều địa phương trên cả nước (cử tri tỉnh Vĩnh Phúc)

Theo quy định của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về sử dụng đất đai, xây dựng công trình trái phép trên đất nông nghiệp chỉ xử lý phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả, không quy định biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm. Về nguyên tắc các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính chuyên ngành cần quy định các chế tài xử phạt phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Hiện nay, Chính phủ đang giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu đề đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đề nghị cử tri có ý kiến với cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghiên cứu đề xuất sửa đổi cho phù hợp.

Câu số 118. Đề nghị tiếp tục chỉ đạo rà soát đất công đã giao, cho thuê, chuyển đổi, hoặc sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả rất nhiều năm,... đất sau cổ phần hóa, tự ý chuyển đổi trái quy hoạch. Quy trách nhiệm cụ thể, xử lý nghiêm. Đây là vấn đề cử tri Gia Lai nói riêng và cả nước nói chung bức xúc, có nhiều nghi vấn, có dấu hiệu lãng phí, lợi ích nhóm, bị một số doanh nghiệp thiếu năng lực chi phối, gây hậu quả xấu cho kinh tế - xã hội (cử tri tỉnh Gia Lai)

Về vấn đề cử tri phản ánh, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã nhận thấy được một số bất cập liên quan đến vấn đề nêu trên trong quá trình thực hiện Luật Đất đai năm 2013. Để khắc phục tình trạng trên đây, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai, trong đó đã chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương thực hiện nhiều giải pháp như: rà soát, làm thủ tục chuyển sang thuê đất đối với tất cả các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính đang sử dụng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền; thực hiện đúng quy định về đấu giá đất, nhất là những khu đất “vàng” sau khi rà soát, sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất của Nhà nước để chống thất thu cho ngân sách; xử lý nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị buông lỏng quản lý để xảy ra tình trạng sai phạm về đất đai.

Câu số 119. Hiện tại các hộ dân đang sống hợp pháp, ổn định trên đất ở nông thôn do nhu cầu của Nhà nước, khu dân cư đã được quy hoạch thành đất thương mại. Từ khi có quy hoạch người dân không thể vay vốn ngân hàng. Đề nghị xem xét có những chính sách tạo điều kiện cho người dân thuộc diện này được vay vốn để phát triển kinh tế (cử tri tỉnh Khánh Hoà)

Theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013:

- Trường hợp quy hoạch sử dụng đất đã được công bố mà chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện thì người sử dụng đất được tiếp tục sử dụng và được thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp đã có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện thì người sử dụng đất trong khu vực phải chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất theo kế hoạch được tiếp tục thực hiện các quyền của người sử dụng đất nhưng không được xây dựng mới nhà ở, công trình, trồng cây lâu năm; nếu người sử dụng đất có nhu cầu cải tạo, sửa chữa nhà ở, công trình hiện có thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.

- Diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được công bố phải thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi hoặc chuyển mục đích đối với phần diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất.

Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chỉnh, hủy bỏ nhưng không công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ thì người sử dụng đất không bị hạn chế về quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này.

- Khi kết thúc kỳ quy hoạch sử dụng đất mà các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chưa thực hiện hết thì vẫn được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch sử dụng đất kỳ tiếp theo được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Như vậy, Luật Đất đai năm 2013 đã có những quy định để đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất trong khu vực quy hoạch sử dụng đất. Đối với việc vay vốn ngân hàng thực hiện theo thỏa thuận giữa người vay vốn và các ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật về các tổ chức tín dụng.

Câu số 120. a) Bất cập giữa Luật Đất đai và Luật Lâm nghiệp về thẩm quyền quyết định chủ trương và hạn mức chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Điều 58 Luật Đất đai và Điều 20 Luật Lâm nghiệp. Điều 58 Luật Đất đai. Điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.

- Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 ha đất trồng lúa trở lên; từ 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên;

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.

Tại Luật Lâm nghiệp Về thẩm quyền cho phép và hạn mức chuyển mục đích sử dụng rừng và chuyển mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác của Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh giữa hai luật không đồng nhất:

“Điều 20. Luật Lâm nghiệp thì thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

- Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng dưới 50 ha; rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 20 ha đến dưới 50 ha; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển từ 20 ha đến dưới 500 ha; rừng sản xuất từ 50 ha đến dưới 1.000 ha.

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới, rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển dưới 20 ha; rừng sản xuất dưới 50 ha; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư”.

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật đất đai để thống nhất với luật Lâm nghiệp về thẩm quyền và hạn mức quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng với chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất của Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

b) Bất cập giữa Luật Đất đai và Luật Lâm nghiệp về đối tượng giao rừng: Quy định tại Điều 135, 136, 137 Luật Đất đai và Điều 16 Luật Lâm nghiệp. Điều 135, 136, 137 Luật Đất đai:

Nhà nước giao đất rừng đặc dụng cho tổ chức quản lý; đất rừng phòng hộ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong khu vực rừng phòng hộ mà chưa có tổ chức quản lý. Nhà nước giao đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên cho tổ chức quản lý rừng để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Không đồng nhất với quy định về giao rừng tại Điều 16 Luật Lâm nghiệp:

“Điều 16 Luật Lâm nghiệp: Nhà nước giao rừng đặc dụng cho tổ chức, cộng đồng dân cư đối với khu rừng tín ngưỡng mà họ đang quản lý và sử dụng theo truyền thống; giao rừng phòng hộ cho tổ chức, cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cư trú hợp pháp trên địa bàn cấp xã nơi có rừng phòng hộ đầu nguồn. Nhà nước giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cư trú hợp pháp trên địa bàn cấp xã nơi có diện tích rừng”.

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai để đồng nhất quy định về giao đất, thuê đất với giao rừng, cho thuê rừng loại rừng.

c) **Bất cập giữa Luật Đất đai và Luật Lâm nghiệp về cho thuê rừng sản xuất:** Quy định tại Điều 135 Luật Đất đai và Điều 17 Luật Lâm nghiệp. Điểm b, c, khoản 2, Điều 135. Đất rừng sản xuất “Nhà nước giao đất, cho thuê đất rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định sau đây: b) Cho thuê đất đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư trồng rừng; c) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước giao đất, cho thuê đất rừng sản xuất theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này thì được sử dụng diện tích đất chưa có rừng để trồng rừng hoặc trồng cây lâu năm”.

Không đồng nhất trong quy định cho thuê rừng sản xuất: Điều 17 Luật Lâm nghiệp: Nhà nước cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân thuê rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng sản xuất là rừng trồng trả tiền thuê rừng một lần hoặc hằng năm để sản xuất lâm nghiệp; sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai để đồng nhất quy định về giao đất, thuê đất với giao rừng, cho thuê rừng.

d) **Bất cập giữa Luật Đất đai và Luật Lâm nghiệp về khái niệm và việc sử dụng đất rừng tín ngưỡng:** Quy định tại Điều 160 Luật Đất đai và khoản 8, Điều 2 Luật Lâm nghiệp. Cụ thể: Điều 160. Đất tín ngưỡng

1. Đất tín ngưỡng bao gồm đất có công trình đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ.

2. Việc sử dụng đất tín ngưỡng phải đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc xây dựng, mở rộng các công trình đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ của cộng đồng phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Khái niệm và quy định sử dụng đất tín ngưỡng liên quan đến rừng tín ngưỡng chưa đầy đủ và thống nhất:

Khoản 8, Điều 2 Luật Lâm nghiệp: Giải thích từ ngữ: “Rừng tín ngưỡng là rừng gắn với niềm tin, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư sống dựa vào rừng”. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai để đồng nhất với Luật Lâm nghiệp khái niệm về đất và rừng tín ngưỡng; qua đó mới có sự thống nhất về giao đất, rừng và sử dụng rừng trên đất tín ngưỡng theo quy định tại điểm d,

khoản 1, Điều 16 và điểm c, khoản 2, Điều 52 Luật Lâm nghiệp. (Cử tri tỉnh Quảng Nam)

a) Về các kiến nghị tại mục a, b và c

Tại Điều 1 Luật Đất đai năm 2013 quy định phạm vi điều chỉnh về chế độ sở hữu đất đai, quyền hạn và trách nhiệm của Nhà nước đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai và thống nhất quản lý về đất đai, chế độ quản lý và sử dụng đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với đất đai thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tại Điều 1 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định phạm vi điều chỉnh về quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, chế biến và thương mại lâm sản.

Do phạm vi điều chỉnh tại Luật Lâm nghiệp và Luật Đất đai khác nhau, theo đó Luật Đất đai quy định về giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rừng, còn Luật Lâm nghiệp quy định về cho thuê rừng là phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành, không có sự chồng chéo, mâu thuẫn.

b) Về bất cập giữa Luật đất đai và Luật lâm nghiệp về khái niệm và việc sử dụng đất rừng tín ngưỡng

- Theo quy định tại Điều 160 Luật Đất đai đất tín ngưỡng bao gồm đất có công trình đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ.

- Theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Luật Lâm nghiệp rừng tín ngưỡng là rừng gắn với niềm tin, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư sống dựa vào rừng.

Theo đó, Luật Đất đai quy định đất tín ngưỡng, còn Luật Lâm nghiệp quy định rừng tín ngưỡng là hai phạm vi khác nhau, do đó khái niệm cũng khác nhau.

Tuy nhiên, để giải quyết vấn đề mà cử tri phản ánh Luật Đất đai năm 2013 đã có quy định tại điểm a khoản 3 Điều 131 như sau: “a) Cộng đồng dân cư được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất để bảo tồn bản sắc dân tộc gắn với phong tục, tập quán của các dân tộc;”, trên thực tế một số địa phương cũng đã thực hiện giao đất rừng cho cộng đồng dân cư để bảo tồn bản sắc dân tộc gắn với phong tục, tập quán của các dân tộc.

Câu 121. a) Bất cập giữa Luật Đất đai 2013 và Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Tại điểm b, khoản 2, Điều 57 Nghị định số 30 quy định hồ sơ mời thầu phải có đầy đủ các thông tin để nhà đầu tư lập hồ sơ dự thầu, trong đó, có quy định: “Cơ sở xác định số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà nhà đầu tư phải nộp cho ngân sách nhà nước trong thời hạn được giao đất hoặc được cho thuê đất”.

Trong khi đó, theo quy định tại khoản 3, Điều 108 Luật Đất đai năm 2013 thì thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất.

Sự khác nhau của quy định này gây khó khăn cho các nhà đầu tư trong việc xác định giá đất để lập hồ sơ dự thầu, vì giá đất thực tế tại thời điểm bàn giao đất đã giải phóng mặt bằng trên thực địa thường cao hơn rất nhiều so với giá đất được xác định trên cơ sở ban đầu khi dự thầu. Đề nghị sửa đổi cho phù hợp.

b) Bất cập giữa Luật Đất đai và Luật Đấu thầu:

Theo khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai quy định trường hợp các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng như sau: "Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng".

Tuy nhiên, tại điểm b, khoản 1, Điều 1 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (có hiệu lực thi hành từ ngày 20/4/2020) quy định phạm vi điều chỉnh: "Dự án đầu tư có sử dụng đất để xây dựng nhà ở thương mại; công trình thương mại, dịch vụ; công trình đa năng, tổ hợp đa năng cho mục đích kinh doanh" và tại khoản 1, Điều 11 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 quy định điều kiện xác định dự án đầu tư có sử dụng đất: "Thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất được duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc thuộc khu đất do Nhà nước đang quản lý, sử dụng; chương trình phát triển đô thị (nếu có) theo quy định của pháp luật về phát triển đô thị".

Đối chiếu với quy định của Luật Đất đai thì danh mục các "công trình thương mại, dịch vụ; công trình đa năng, tổ hợp đa năng cho mục đích kinh doanh" không thuộc đối tượng thu hồi đất. Như vậy, các loại công trình trên không thể phê duyệt danh mục, công bố và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đấu thầu.

Vì vậy đề nghị bổ sung tại khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai danh mục các công trình Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: "công trình thương mại, dịch vụ; công trình đa năng, tổ hợp đa năng cho mục đích kinh doanh" nhằm đảm bảo điều kiện để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định pháp luật về Đấu thầu (cử tri tỉnh Quảng Nam).

a) Về bất cập giữa Luật đất đai 2013 và Nghị định số 30/2015/NĐ-CP

Kiến nghị của cử tri đã được xem xét giải quyết tại Nghị định số

25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư, trong đó tại điểm a khoản 2 Điều 60 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP đã quy định:

“2. Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất; xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với nhà đầu tư trúng thầu:

a) Sau khi hoàn thành bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu đất thực hiện dự án, việc giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư áp dụng theo trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất quy định tại khoản 3 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).”

b) Bất cập giữa Luật Đất đai và Luật Đấu thầu:

Vấn đề cử tri nêu liên quan đến sửa đổi Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, việc sửa đổi Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của người có đất thu hồi. Vì vậy, vấn đề này cần được đánh giá tác động một cách thận trọng và sâu sắc khi Quốc hội xem xét sửa đổi Luật Đất đai.

Trong khi Quốc hội chưa ban hành Luật Đất đai sửa đổi thì các tổ chức, cá nhân có liên quan cần thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành thì cần căn cứ nguyên tắc áp dụng pháp luật đã được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết.

Câu 122. Luật Đất đai và Luật Đấu thầu chưa quy định thống nhất về việc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án với kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Theo Khoản 6, Điều 33, Luật Đấu thầu năm 2014 quy định: Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để cấp Quyết định chủ trương đầu tư cho dự án. Báo cáo thẩm định gồm nhiều nội dung, trong đó có yêu cầu "Đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư. Trường hợp có đề xuất giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì thực hiện thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai". Từ quy định như trên có thể hiểu là Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, theo Luật Đất đai thì việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện sau khi nhà đầu tư, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị thuê đất, giao đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất (tức là sau khi dự án được cấp Quyết định chủ trương đầu tư và hoàn thành các thủ tục về quy hoạch, bảo vệ môi trường - nếu có). Từ thực tế, cho thấy việc áp dụng pháp luật giữa các văn bản chưa được

thống nhất, làm phát sinh thêm thủ tục, tăng thời gian giải quyết các thủ tục về đất đai. Vì vậy, để khắc phục vấn đề này, đề nghị xem xét áp dụng đồng thời các thủ tục về chấp thuận chủ trương đầu tư với việc xem xét thẩm tra nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để giúp cắt giảm đáng kể thời gian thực hiện thủ tục hành chính do nhà đầu tư không phải tiến hành lần lượt từng thủ tục liên quan đến việc sử dụng đất như quy định hiện hành (cử tri tỉnh Quảng Nam).

Tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

“4. Thời điểm thẩm định các điều kiện quy định tại Điều này được thực hiện đồng thời với việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất của chủ đầu tư khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì thời điểm thẩm định được thực hiện trước khi tổ chức phiên đấu giá quyền sử dụng đất.”

Tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã quy định:

“2. Bổ sung các khoản 4, 5, 6 và 7 vào Điều 7 như sau:

4. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đồng thời với thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, gồm:

a) Đơn đề nghị thẩm định của người xin giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư này hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;

b) Hồ sơ dự án đầu tư khi thực hiện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

5. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin giao đất, thuê đất mà không phải thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, gồm:

a) Đơn đề nghị thẩm định của người xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư này hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;

b) Hồ sơ dự án đầu tư khi thực hiện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

6. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng đất mà không phải thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, gồm:

a) Đơn đề nghị thẩm định của người xin chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư này hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

c) Hồ sơ dự án đầu tư khi thực hiện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

7. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng đất mà không lập dự án đầu tư gồm:

a) Đơn đề nghị thẩm định của người xin chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.”

Như vậy, quy định hiện hành đã có quy định về việc liên thông thủ tục. Tuy nhiên, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, ban hành hoặc sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng đơn giản phù hợp với chủ trương về cải cách thủ tục hành chính.

Trên đây là ý kiến trả lời của Bộ Tài nguyên và Môi trường về những vấn đề cử tri quan tâm gửi đến Quốc hội trước Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XIV có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Các Tổng cục: QLDD; Môi trường (để thực hiện);
- Lưu VT, VP (TH), PC. PQ.18.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

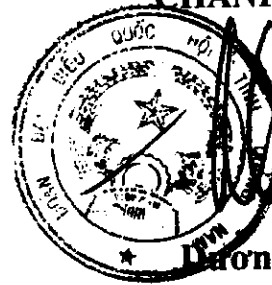
QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM
Số: 64 /SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH
Quảng Nam, ngày 14 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh;
- Các sở: TN&MT, KH&ĐT, NN&PTNT, Xây dựng, Tư pháp tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (để trả lời cử tri);
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG



Đương Văn Phước

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: 3293 /BGDĐT-GDTrHHà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2020

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH QUẢNG NAM Quốc hội khóa XIV**ĐẾN** Số:.....237.....
Ngày: 4/9/2020

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam

Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam gửi tới trước kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV tại Công văn số 223/BDN ngày 15/6/2020 của Ban Dân nguyện.

Nội dung kiến nghị:

Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo có lộ trình giảm tải chương trình dạy học, tránh tình trạng năm 2019-2020 do dịch bệnh giảm tải chương trình, sang năm học 2020-2021 thì không thực hiện; có giải pháp cụ thể cho kỳ thi THPT, đại học, cao đẳng năm học 2019-2020 trong điều kiện bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, nhất là đối với học sinh vùng sâu, vùng xa (Câu 05).

Bộ Giáo dục và Đào tạo trả lời như sau:**1. Về giảm tải nội dung dạy học**

Việc giảm tải nội dung dạy học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thực hiện trong nhiều năm qua¹; năm học 2019 -2020, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, sau khi đã điều chỉnh kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, phổ thông, Bộ GDĐT đã mời các chuyên gia, giáo viên có kinh nghiệm tiến hành rà soát, nghiên cứu và có văn bản hướng dẫn địa phương trong việc tinh giản nội dung dạy học chương trình học kỳ 2 năm học 2019-2020 theo nguyên tắc: chỉ điều chỉnh nội dung dạy học với thời gian còn lại của năm học 2019 - 2020; không tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá vào các bài hoặc nội dung, yêu cầu đã được tinh giản; sử dụng thời gian học sinh đi học trở lại và thời gian đầu của năm học 2020-2021 (nếu cần thiết) để bổ sung các nội dung kiến thức trước khi thực hiện chương trình năm học mới; tổ chức dạy học các môn tự chọn một cách phù hợp, ưu tiên thời gian tối đa để tổ chức dạy học các môn học bắt buộc; tăng cường dạy học qua internet và trên truyền hình.

Năm học 2020-2021 là năm học đầu tiên thực hiện Chương trình GDPT mới, bắt đầu từ lớp 1. Đối với các lớp học còn lại, mặc dù chưa áp dụng chương trình mới nhưng yêu cầu đặt ra trong bối cảnh đổi mới giáo dục là phải ứng dụng phương pháp giáo dục mới theo định hướng của Chương trình GDPT mới vào dạy học. Để đạt được mục tiêu đó, Bộ GDĐT đã chỉ đạo các Sở GDĐT tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo môn học, xây dựng kế hoạch giáo dục của các môn học nhằm giảm tải nội dung dạy học, Đồng thời, Bộ GDĐT đã tổ chức các tiểu ban

¹ Công văn số 5342/BGDĐT-VP ngày 01/9/2011 của Bộ GDĐT hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học GDPT; Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH 03/10/2017 của Bộ GDĐT về việc tiếp tục tinh giản nội dung dạy học.

nghiên cứu điều chỉnh nội dung và hướng dẫn dạy học để thực hiện từ năm học 2020-2021. Hướng dẫn này sẽ được sử dụng ổn định trong các năm học tiếp theo cho đến khi các lớp học thực hiện Chương trình GDPT mới.

2. Về tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2020

Tại Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 14/5/2020 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2020, Chính phủ đã quyết định triển khai Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (gọi tắt là Kỳ thi) từ năm 2020. Trong đó, Chính phủ giao địa phương chủ trì tổ chức Kỳ thi, Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về Kỳ thi tại địa phương; Bộ GDĐT có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp tỉnh tổ chức Kỳ thi tại địa phương đảm bảo “an toàn, nghiêm túc và thành công”. Kỳ thi năm 2020 tiếp tục được tổ chức có sự tham gia của cả hệ thống chính trị các cấp, trong đó công tác thanh tra, kiểm tra được xác định góp phần đặc biệt quan trọng cho sự thành công của Kỳ thi. Chính phủ đã chỉ đạo sự tham gia của “ba cấp” thanh tra, kiểm tra gồm Thanh tra của Bộ GDĐT, Thanh tra tỉnh và Thanh tra thuộc sở GDĐT thực hiện nhiệm vụ ngay từ trước, trong và sau Kỳ thi nhằm kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho địa phương. Những cán bộ có năng lực chuyên môn tốt và kinh nghiệm tổ chức thi của các cơ sở giáo dục đại học tiếp tục được huy động tham gia công tác thanh tra, kiểm tra kỳ thi theo sự phân công, uỷ nhiệm của Bộ GDĐT.

Việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và truyền thông trong tất cả các khâu của Kỳ thi, đặc biệt là giám sát đảm bảo an toàn, bảo mật trong công tác đề thi, bảo quản bài thi, tổ chức chấm thi, công bố kết quả và đánh giá chất lượng giáo dục. Cơ sở dữ liệu người học sẽ hỗ trợ các địa phương thực hiện chỉ đạo thực hiện việc đối sánh công khai kết quả thi của thí sinh với kết quả học tập lớp 12 sẽ là một trong những giải pháp quan trọng chống gian lận, đảm bảo tính khách quan của Kỳ thi.

Các địa phương đã chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 tại các điểm thi và có các giải pháp hỗ trợ tối đa cho thí sinh; bảo đảm không để thí sinh nào vì hoàn cảnh khó khăn mà không đến dự thi. Đợt 1 của Kỳ thi về cơ bản đã được tổ chức an toàn, đáp ứng được mục tiêu kép là vừa đảm bảo phòng, chống dịch bệnh, vừa đáp ứng được yêu cầu tổ chức thi gọn nhẹ, thiết thực, khách quan, công bằng... Bộ GDĐT đã xây dựng phương án, sẵn sàng phối hợp với các địa phương để tổ chức thi đợt 2 dành cho các thí sinh chưa tham gia thi đợt 1 do bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo đề xuất của các địa phương sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát và điều kiện an toàn cho công tác tổ chức thi được bảo đảm.

3. Về tổ chức xét tuyển sinh đại học, cao đẳng sư phạm năm 2020

Về cơ bản, việc tổ chức xét tuyển đại học, cao đẳng năm 2020 được giữ ổn định như năm 2019, trong đó hầu hết các trường (chỉ trừ nhóm trường nghệ thuật, mỹ thuật) sẽ sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 để làm căn cứ xét tuyển sinh. Các nội dung cụ thể thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh năm 2020 và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Trước tình hình một số địa phương chưa tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông, một số học sinh chưa tham gia thi đợt 1 năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Bộ GDĐT đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học thực hiện phân bổ tỷ lệ chỉ tiêu hợp lý và xét tuyển riêng cho các thí sinh chưa tham dự Kỳ thi đợt 1. Bộ GDĐT cũng lưu ý điểm trúng tuyển của thí sinh tham dự Kỳ thi đợt 2 phải đảm bảo không thấp hơn điểm trúng tuyển của thí sinh tham dự Kỳ thi đợt 1.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện thuộc UBND;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng;
- Vụ GDĐH; Cục QLCL, Văn phòng;
- Lưu: VT, GDTTH.



QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM

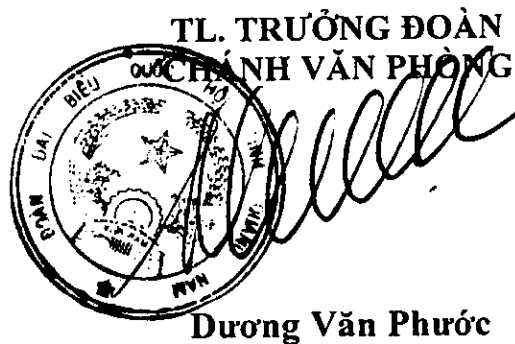
Số: 42 /SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN các huyện, thị xã, thành phố (để trả lời cử tri);
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.



Số: 5291/BKHĐT-TH

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi
tới trước kỳ họp thứ 9, Quốc hội

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI Q. NAM	
ĐẾN	Số: 235
	Ngày: 03 / 9 / 2020

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được công văn số 5301/VPCP-QHĐP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ đề nghị trả lời kiến nghị của cử tri gửi Thủ tướng Chính phủ trước kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và ý kiến của Bộ Xây dựng tại công văn số 3960/BXD-PC ngày 14 tháng 8 năm 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời như sau:

1. Nội dung kiến nghị số 1 (số 33 tại văn bản số 5301/VPCP-QHĐP):

Mâu thuẫn giữa các quy định về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư giữa Luật Đầu tư và Luật Nhà ở:

- Đề nghị nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét sửa đổi Luật Nhà ở và Luật Đầu tư cho thống nhất về các thủ tục liên quan đến đầu tư của các dự án không thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư (Luật Nhà ở quy định: Đối với dự án xây dựng nhà ở thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư; đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư thì phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Chính phủ. Như vậy, quy định này được hiểu, bất kỳ dự án xây dựng nhà ở nào cũng phải thực hiện thủ tục liên quan đến đầu tư trước khi triển khai dự án; trong khi đó, theo Luật Đầu tư thì những dự án không thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư, những dự án có vốn đầu tư nước ngoài trong đó nhà đầu tư nước ngoài sở hữu dưới 51% thì sẽ không phải thực hiện bất kỳ thủ tục nào liên quan đến chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi triển khai dự án đầu tư).

- Tại khoản 2, Điều 33 Luật Đầu tư quy định cơ quan đầu mối chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư là Sở Kế hoạch và Đầu tư; tại Khoản 2, Điều 170 Luật Nhà ở là theo Luật Đầu tư; tuy nhiên, theo khoản 3, Điều 10 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở là Sở Xây dựng. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể, thống nhất, nên thực hiện theo Luật Đầu tư.

- Luật Đầu tư quy định về các tài liệu trong hồ sơ dự án đầu tư để thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và không có quy định "các tài liệu khác

theo quy định của pháp luật". Quy định này được hiểu, hồ sơ dự án đầu tư chỉ gồm những tài liệu được liệt kê tại Luật đầu tư, các văn bản pháp luật khác không được quyền yêu cầu thêm tài liệu. Tuy nhiên, khoản 2, Điều 171 Luật Nhà ở lại yêu cầu thêm các loại tài liệu ngoài các tài liệu đã quy định tại Luật Đầu tư. Sự không thống nhất giữa hai luật này khiến cơ quan đăng ký về đầu tư gặp lúng túng khi thẩm định hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư, thực hiện theo Luật Đầu tư hay theo Luật Nhà ở?

- Luật Nhà ở, Luật Đất đai và Luật Đầu tư cũng chưa thống nhất về thủ tục đầu tư đối với dự án có thay đổi mục tiêu dự án. Trên thực tế, nhiều dự án đầu tư phải thay đổi mục tiêu dự án nhưng lại gặp vướng về thủ tục, điều này khiến cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của nhà đầu tư gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí bị đình trệ.

- Hồ sơ trình phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, theo khoản 1, Điều 33, Luật Đầu tư không yêu cầu hồ sơ quy hoạch; tuy nhiên, tại khoản 2, Điều 10 Nghị định 99/2015/NĐ-CP thì lại quy định phải có hồ sơ quy hoạch chi tiết được duyệt. Bên cạnh đó, tại khoản 2, Điều 11 Nghị định 25/2020/NĐ-CP điều kiện xác định dự án đầu tư có sử dụng đất chỉ cần phù hợp quy hoạch xây dựng có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/500 (nếu có) hoặc quy hoạch phân khu đô thị có tỷ lệ 1/2000 hoặc tỷ lệ 1/5000. Đề nghị Chính phủ hướng dẫn áp dụng theo quy định nào cho thống nhất.

Trả lời:

- Về thủ tục, hồ sơ thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 170 Luật Nhà ở năm 2014, đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 thì phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Chính phủ. Theo đó, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư thì thẩm định chủ trương đầu tư đối với các dự án theo quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, trong khi, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng thì thẩm định chủ trương đầu tư đối với các dự án nhà ở còn lại. Như vậy, không có sự không thống nhất về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Luật Đầu tư và Luật Nhà ở. Tuy nhiên, việc quy định 02 đầu mối thẩm định chủ trương đầu tư dẫn đến khó khăn trong việc xác định thẩm quyền tại địa phương. Bên cạnh đó, Điều 171 Luật Nhà ở năm 2014 về hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư chưa bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Đầu tư năm 2014. Do vậy, Luật Đầu tư năm 2020 đã quy định thống nhất một đầu mối thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 170, bãi bỏ Điều 171 Luật

Nhà ở năm 2014 để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Hiện nay, Bộ Xây dựng cũng đang rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nhà ở bảo đảm thống nhất với quy định mới tại Luật Đầu tư năm 2020 và các nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở năm 2014 tại Luật này.

- Về lựa chọn chủ đầu tư/nhà đầu tư:

Pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản hiện hành không có quy định về khái niệm “nhà đầu tư” mà chỉ có khái niệm “chủ đầu tư”; pháp luật về đầu tư lại chỉ có khái niệm “nhà đầu tư” dẫn đến sự không thống nhất, gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật. Do vậy, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 đã sửa đổi, bổ sung, làm rõ mối quan hệ giữa “nhà đầu tư” và “chủ đầu tư”, trường hợp nào “nhà đầu tư” trở thành “chủ đầu tư”; sửa đổi, bổ sung quy định về xác định chủ đầu tư bảo đảm thống nhất với pháp luật về đầu tư, đầu tư công, nhà ở, đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Đồng thời, Luật Đầu tư năm 2020 đã sửa đổi, bổ sung Điều 22, Điều 23 Luật Nhà ở năm 2014 về lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại, theo đó, đã sửa đổi, bổ sung quy định chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư là một trong các hình thức lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại, việc xác định chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư được lựa chọn theo pháp luật về xây dựng, nhà ở; bổ sung các loại đất khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang làm đất ở là một trong những hình thức sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại nhằm tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

2. Nội dung kiến nghị số 2 (số 37 tại văn bản số 5301/VPCP-QHĐP):
Sự chồng chéo về cơ chế giám sát, đánh giá và phân loại người quản lý doanh nghiệp giữa Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 và Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước phân loại người quản lý doanh nghiệp cao nhất là hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong khi đó, theo quy định tại Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là Công ty TNHH MTV Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thì lại phân loại người quản lý doanh nghiệp là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đề nghị Chính phủ xem xét điều chỉnh cho thống nhất.

Trả lời:

Hiện nay, Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ nghiên cứu, ban hành cơ chế chính sách để gắn kết quả của việc thực hiện sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước với việc đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu; tiếp tục đổi mới công tác bố trí bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước. Trong năm 2020, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định Quản lý người quản lý trong doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn nhà nước để thay thế Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 và Nghị định số 106/2015/NĐ-CP ngày 23/10/2015.

Đồng thời, hiện nay Bộ Tài chính đang rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 87/2015/NĐ-CP để kiến nghị điều chỉnh bổ sung cho phù hợp và đảm bảo thống nhất giữa các văn bản pháp lý.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng gửi Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Ban Dân nguyện;
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, Cục PTĐN, Vụ PC (bản điện tử);
- Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, Vụ THKTQD_{H6}

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM

Số: 43 /SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH
 Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG

Đương Văn Phước

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ^{6 0 2 8} /BCT-KH

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
trước kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI Q. NAM	
ĐẾN	Số: 216
	Ngày: 24 / 8 / 2020

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam

Bộ Công Thương đã nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Văn bản số 223/BDN ngày 15 tháng 6 năm 2020, nội dung kiến nghị như sau:

Đề nghị quan tâm tiếp tục đưa lưới điện quốc gia về các khu dân cư trên địa bàn huyện Nam Trà My.

Bộ Công Thương xin trả lời như sau:

Dự án cấp điện cho các xã, thôn, nóc chưa có điện tỉnh Quảng Nam được Thủ tướng Chính phủ giao tại công văn số 598/VPCP-KTN ngày 03 tháng 02 năm 2011. Trên cơ sở đề xuất của tỉnh Quảng Nam và Văn bản thỏa thuận số 11441/BCT-TCNL của Bộ Công Thương, ngày 10 tháng 3 năm 2014, UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 716/QĐ-UBND phê duyệt Dự án đầu tư cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Nam. Theo đó, Dự án có tổng mức đầu tư là 687,5 tỷ, mục tiêu Dự án: Cấp điện 18.149 hộ của 190 thôn/nóc thuộc 62 xã của 09 huyện của tỉnh Quảng Nam; Khối lượng đầu tư: 116 trạm biến áp; khoảng 332,2 km đường dây trung áp; khoảng 297,1km đường dây hạ áp. Cơ chế vốn: NSTW hỗ trợ 85% vốn đầu tư, Tỉnh đối ứng 15% vốn đầu tư.

Giai đoạn đến 2016-2020, NSTW cấp 250 tỷ và đối ứng NSDP cấp 22,5 tỷ, hoàn thành cấp điện 8.155 hộ dân cho 155 thôn trên địa bàn 70 xã thuộc 09 huyện của Tỉnh.

Về đề nghị quan tâm tiếp tục đưa lưới điện quốc gia về các khu dân cư trên địa bàn huyện Nam Trà My:

- Theo đề nghị của UBND tỉnh Quảng Nam về việc cấp điện sớm cho khu vực đặc biệt khó khăn của hai huyện Nam Trà My và Bắc Trà My. Trên cơ sở báo cáo kiến nghị của Bộ Công Thương tại Văn bản số 3196/BCT-TCNL ngày 12 tháng 4 năm 2016, tại Văn bản số 838/TTg-KTN ngày 20 tháng 5 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đầu tư cấp điện cho các thôn nóc của hai huyện Nam Trà My và Bắc Trà My với quy mô khoảng 301 tỷ đồng, cấp điện cho khoảng 8.371 hộ dân nông thôn. Tổng Công ty Điện lực miền Trung đã hoàn thành đầu tư theo danh mục đề xuất của Tỉnh.

- Theo báo cáo của Sở Công Thương tỉnh Quảng Nam tại Văn bản số 716/BC-SCT ngày 15 tháng 5 năm 2020, hiện nay còn 28 thôn/điểm của 5 xã

với đề xuất giải pháp cấp điện bằng năng lượng tái tạo. Hiện nay, Bộ Công Thương đang tiếp tục vận động các nguồn để bổ sung cho Chương trình như sau:

- Nguồn vốn ODA: Đang ở giai đoạn đàm phán với Liên minh Châu Âu để sử dụng vốn ODA không hoàn lại theo Chương trình chuyển đổi năng lượng bền vững Việt Nam – EU với đề nghị bổ sung nguồn cho Chương trình khoảng 71 triệu EUR cho giải pháp cấp điện bằng năng lượng tái tạo.

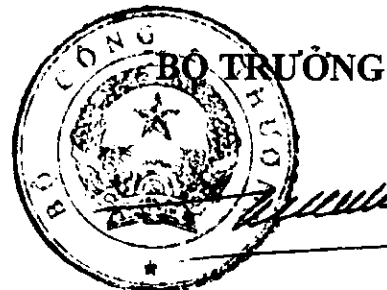
- Nguồn vốn vay ưu đãi từ các nhà tài trợ: Bộ Công Thương đã trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Đề xuất dự án Chương trình điện nông thôn, miền núi và hải đảo sử dụng vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Thế giới tại Văn bản số 10145/BCT-ĐL ngày 31 tháng 12 năm 2020 khoảng 360 triệu USD; vốn Ngân hàng Phát triển châu Á tại Văn bản số 10144/BCT-ĐL ngày 31 tháng 12 năm 2019 khoảng 400 triệu USD.

Căn cứ quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cho phép sử dụng các nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài để cấp phát cho các dự án thuộc Chương trình, Bộ Công Thương sẽ hướng dẫn các chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện theo các hiệp định ký kết, trong đó có các thôn/điểm của tỉnh Quảng Nam như kiến nghị của cử tri.

Trên đây là trả lời của Bộ Công Thương đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam. Trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam để trả lời cử tri. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng thư ký Quốc hội;
- UBTVQH;
- Ban Dân nguyện;
- Bộ trưởng, chủ nhiệm VPCP;
- Lãnh đạo Bộ;
- Cục ĐL;
- Lưu: VT, KH (2b).



Trần Tuấn Anh

QUỐC HỘI KHÓA XIV

**ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM**

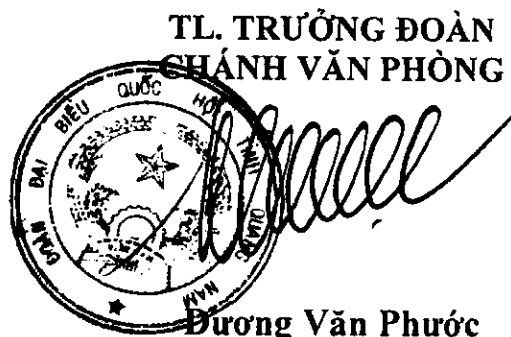
Số: 44 /SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh;
- Sở Công Thương;
- UBMT huyện Nam Trà My (để trả lời cử tri);
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.



Đương Văn Phước

BỘ Y TẾ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4458/BYT-VPB1

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2020

V/v trả lời kiến nghị của cử tri

Kỳ họp thứ 9 –

Quốc hội Khóa XIV

Số: 229

Ngày: 27/8/2020

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh/thành phố:.....*Quảng Nam...*

Bộ Y tế nhận được công văn số 5301/VPCP-QHĐP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới trước Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV, trong đó có kiến nghị của cử tri địa phương tỉnh/thành phố.

Bộ Y tế xin trả lời đối với các kiến nghị của cử tri địa phương về những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Y tế (*Xin gửi kèm theo*).

Kính đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội xem xét và trả lời cử tri.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện – UBTVQH;
- Ban Công tác đại biểu – UBTVQH;
- Ủy ban Về các vấn đề XH của QH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- VPCP: Vụ KGVX, Vụ TH, Vụ QHĐP;
- Lưu: VT, VPB1.



QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM

Số: 45 /SY-ĐĐBQH

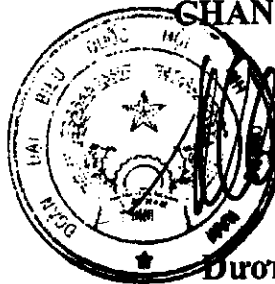
SAO Y BẢN CHÍNH

Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- Sở Y tế, Sở VH-TT&DL, Sở Tư pháp tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG



Dương Văn Phước

**TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI TỈNH QUẢNG NAM
GỬI TỚI TRƯỚC KỲ HỌP THỨ 9, QUỐC HỘI KHÓA XIV**
(Kèm theo công văn số /BYT-VPB1 ngày /8/2020)

Câu 1. Đề nghị Chính phủ xem xét ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ áp dụng đối với cơ sở có chức năng khám, điều trị, chăm sóc, nuôi dưỡng cho thương bệnh binh nặng, người khuyết tật nặng theo hướng bằng với mức phụ cấp ưu đãi quy định tại Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ về việc quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập (Hiện nay, các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội quản lý được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 26/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/4/2016, theo đó, tại các cơ sở bảo trợ xã hội viên chức, người lao động trực tiếp phục vụ đối tượng được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề là 70%, viên chức, lao động gián tiếp hưởng 30%. Trong khi đó, đối với Trung tâm Nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công Quảng Nam, với chức năng nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị, điều dưỡng đối với thương bệnh binh nặng, người khuyết tật nặng (có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền) nhưng mức chi trả chế độ phụ cấp thường trực theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BYT-BNV-BTV ngày 19/01/2012 của liên Bộ: Y tế - Nội vụ - Tài chính là 40% đối với viên chức, lao động trực tiếp, không quá 20% đối với viên chức, lao động gián tiếp là chưa phù hợp) (*Quảng Nam*).

Bộ Y tế xin trả lời như sau:

1. Về chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập hiện nay đang được thực hiện theo Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được giao làm đầu mối tổ chức thực hiện. Về kiến nghị của cử tri đề nghị cử tri kiến nghị với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

2. Mặt khác, thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Văn phòng Chính phủ đã thông báo “*đến khi ban*

hành các văn bản quy định chế độ tiền lương mới để thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, không xem xét ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách tiền lương hiện hành". Bộ Y tế trân trọng thông tin tới cử tri.

Câu 2. Trong công tác thanh tra chuyên ngành, liên ngành, các hàng hóa có dấu hiệu vi phạm về chất lượng, an toàn thực phẩm thì Đoàn thanh tra tiến hành lấy mẫu gửi phòng kiểm nghiệm phân tích để có cơ sở xử lý; trong thời gian chờ kết quả kiểm nghiệm, Đoàn thanh tra không có cơ sở để xác định hàng hóa vi phạm, nên không thể niêm phong, tạm giữ hàng hóa; khi đã có kết quả xét nghiệm thì hầu hết hàng hóa đã được lưu thông trên thị trường, vì vậy, việc truy xuất, thu hồi hàng hóa vi phạm gặp rất nhiều khó khăn (*Quảng Nam*).

Bộ Y tế xin trả lời như sau:

1. Ngày 02/02/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm đã thay đổi căn bản phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm (kiểm tra sau công bố, sau khi sản xuất kinh doanh). Tuy nhiên về xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm đều được quy định tại Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm, các tổ chức cá nhân vi phạm về an toàn thực phẩm tùy tính chất, mức độ khác nhau sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

2. Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 23/2018/TT-BYT ngày 14/9/2018 Quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế; Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 Quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế. Theo quy định tại 02 Thông tư nêu trên, khi phát hiện vi phạm về chất lượng sản phẩm buộc cơ sở phải thu hồi sản phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm vi phạm theo quy định.

Câu 3. Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là thường trực Đội Kiểm tra liên ngành về hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng và phòng, chống tệ nạn mại dâm trên địa bàn tỉnh; tuy nhiên, tại Nghị định 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Y tế và Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Môi trường không quy định thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, do đó, gây khó khăn trong công tác

thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính. Đề nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 176/2013/NĐ-CP theo hướng bổ sung thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Quảng Nam).

Bộ Y tế xin trả lời như sau:

1. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 93 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế thì *"Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, cơ quan Thuế, Cục trưởng Cục Hóa chất, Thanh tra các ngành: Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Tài chính và các cơ quan khác có thẩm quyền xử phạt theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực mình quản lý được quy định tại Nghị định này"*, do đó, Thanh tra Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi được quy định trong Nghị định số 176/2013/NĐ-CP có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực mình quản lý.

2. Chính phủ đang xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 176/2013/NĐ-CP cũng đã đưa nội dung quy định cụ thể các điều khoản mà Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo phạm vi quản lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Số: **4105** /BXD-KTXDHà Nội, ngày **24** tháng **8** năm 2020

V/v Trả lời kiến nghị của cử
tri tỉnh Quảng Nam gửi tới
Quốc hội trước kỳ họp thứ 9

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI Q.NAM	
ĐẾN	Số: 230
	Ngày: 27/8/2020

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam.

Bộ Xây dựng nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 223/BDN ngày 15/6/2020, các nội dung kiến nghị như sau:

Câu số 4: “*Tại Khoản 3, Điều 10, Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng quy định: “Riêng dự toán các công việc chuẩn bị để lập thiết kế kỹ thuật (lập dự án nghiên cứu khả thi), thiết kế bản vẽ thi công (lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật) thì cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư dự án thẩm định làm cơ sở trình cấp quyết định đầu tư phê duyệt chi phí này. Các khoản mục chi phí này sẽ được cập nhập vào dự toán xây dựng công trình phục vụ lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng”. Để lập hồ sơ chi phí trình thẩm định, phê duyệt dự toán các công tác tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật thì các chi phí xây lắp, thiết bị chỉ tính ở mức khái toán (vì chưa có hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, chưa có khối lượng....) rồi nội suy chi phí tư vấn các công tác trên theo Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng. Đặc biệt đối với các dự án cải tạo, sửa chữa xây dựng thông thường hoặc các dự án bảo tồn, tu bổ, phục hồi tôn tạo di tích rất khó xác định khái toán các đầu mục công việc. Tuy nhiên, cơ quan chuyên môn về thẩm định (Sở Xây dựng) yêu cầu phải tính toán trên cơ sở chi phí xây lắp, thiết bị thì mới thẩm định, trình phê duyệt dự toán của các chi phí tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật. Do đó rất khó trong việc đảm bảo yếu tố chuẩn xác khi xác định chi phí xây lắp và thiết bị.”*

Về vấn đề này, Bộ Xây dựng trả lời như sau:

Chi phí tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật thực hiện theo Điều 7; Điều 8 và Phụ lục số 2, Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng. Trường hợp các định mức chi phí được ban hành kèm theo Thông tư số 16/2019/TT-BXD chưa phù hợp với điều kiện

của dự án thì chi phí tư vấn xác định bằng phương pháp lập dự toán theo hướng dẫn tại Phụ lục số 3 kèm theo Thông tư số 16/2019/TT-BXD.

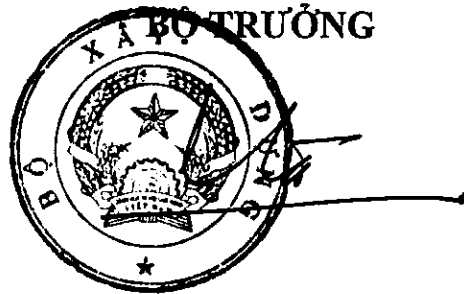
Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt dự toán xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Phương pháp xác định tổng mức đầu tư, dự toán của dự án đầu tư xây dựng quy định tại Khoản 2, Điều 5, Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ; Điều 5, Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng mức đầu tư, dự toán được lập theo phương pháp trên làm cơ sở thẩm định.

Trên đây là trả lời của Bộ Xây dựng đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam. Bộ Xây dựng chân thành cảm ơn sự quan tâm của cử tri và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam đối với ngành Xây dựng trong thời gian qua và mong muốn tiếp tục nhận được nhiều ý kiến đóng góp trong thời gian tới. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Dân nguyện;
- Tổng thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- TT. HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, Cục KTXD; (Th).



Phạm Hồng Hà

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM**

Số: 47 /SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp, Sở Xây dựng tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.



**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Dương Văn Phước

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số 7369 /BGTVT-KCHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v: trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Quảng
Nam gửi tới trước Kỳ họp thứ 9, Quốc
hội khóa XIV về xác định tải trọng
giới hạn của phương tiện.

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2020

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI Q.NAM	
ĐẾN	Số:.....179.....
	Ngày: 03/18/2020

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam

Bộ GTVT nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 223/BDN ngày 15/6/2020, nội dung kiến nghị như sau:

Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ. Tại Điều 16 quy định giới hạn tải trọng trục xe tham gia giao thông trên đường bộ theo 03 loại trục gồm trục đơn, cụm trục kép và cụm trục ba. Thực tế hiện nay, loại Sơmi romooc có cụm trục bốn được chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đề nghị được cấp Giấy phép lưu hành xe đặc biệt. Do đó, đề nghị Bộ GTVT chỉ đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam sớm hướng dẫn cách xác định tải trọng giới hạn của cụm trục bốn nêu trên để làm cơ sở triển khai thực hiện Cấp giấy phép lưu hành xe đặc biệt (nội dung này, đã được Sở GTVT báo cáo Bộ GTVT, Bộ GTVT có Công văn số 3554/BGTVT-KCHT ngày 14/4/2020 gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam hướng dẫn nhưng đến nay chưa nhận được phản hồi).

Trước tiên, Bộ GTVT trân trọng cảm ơn cử tri và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam đã quan tâm, góp ý đối với công tác quản lý, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam nhằm giúp công tác quản lý nhà nước của Bộ GTVT ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của xã hội và người dân.

Về nội dung kiến nghị của cử tri nêu trên, Bộ GTVT trả lời như sau:

- Ngày 23/4/2020, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã có Văn bản số 1199/ĐKVN-VAQ gửi Sở GTVT Quảng Nam hướng dẫn việc xác định tải trọng giới hạn của cụm trục bốn đối với phương tiện khi tham gia giao thông.

- Căn cứ hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam tại văn bản nêu trên, đề Sở GTVT Quảng Nam tổ chức triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị có văn bản gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam, Tổng cục ĐBVN để được hướng dẫn và giải quyết theo quy định.

Trên đây là trả lời của Bộ GTVT đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam để trả lời cử tri

và rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, góp ý của cử tri đối với ngành Giao thông vận tải./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam;
- Văn phòng Bộ (để tổng hợp);
- Cổng TT điện tử Bộ GTVT;
- Tổng cục ĐBVN;
- Sở GTVT Quảng Nam;
- Cục QLDB III;
- Lưu VT, KCHT (3).



QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM
Số: 46 /SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH
Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.

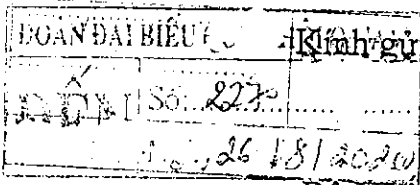


BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~4457~~/BYT-VPB1
V/v trả lời nghị của cử tri gửi tới
Quốc hội trước kỳ họp thứ 9

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2020



Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh/thành phố ..Quảng Nam

Bộ Y tế nhận được công văn số 223/BDN ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc chuyển kiến nghị của cử tri gửi tới Quốc hội trước kỳ họp thứ 9, trong đó có kiến nghị của cử tri địa phương tỉnh/thành phố.

Bộ Y tế xin trả lời đối với các kiến nghị của cử tri địa phương về những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Y tế (*Xin gửi kèm theo*).

Kính đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội xem xét và trả lời cử tri.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện – UBTVQH;
- Ban Công tác đại biểu – UBTVQH;
- Ủy ban Về các vấn đề XH của QH;
- Vụ Công tác đại biểu – VPQH;
- Vụ phục vụ hoạt động giám sát – VPQH;
- Lưu: VT, VPB1.

Q. BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Long

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM

Số: 48 /SY-ĐĐBQH

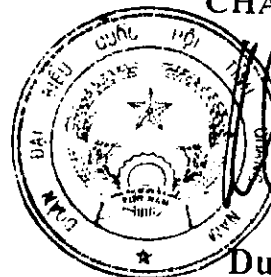
SAO Y BẢN CHÍNH
Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- UBMTTQVN các huyện, thị xã, thành phố (để trả lời cử tri);
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG

Dương Văn Phước



TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH QUẢNG NAM
TẠI KỲ HỌP THỨ 9, QUỐC HỘI KHÓA XIV THUỘC LĨNH VỰC BỘ Y TẾ
(Kèm theo công văn số /BYT-VPB1 ngày /8/2020)

Câu 14. Xem xét nâng mức hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho đối tượng là người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội từ 80% lên 100% (Hiện nay, đối tượng này được ngân sách nhà nước đóng 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh); đồng thời, đề nghị xem xét cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người già trên 75 tuổi. (Quảng Nam)

Bộ Y tế trả lời như sau:

Theo báo cáo của cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam năm 2018: Tổng số người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên tham gia bảo hiểm y tế chiếm 17,4%, còn lại từ 60 tuổi trở lên đến dưới 80 tuổi chiếm 82,6%.

Theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế, quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế phụ thuộc vào mức độ bệnh tật và tùy theo các nhóm đối tượng đã quy định. Luật Bảo hiểm y tế không có quy định riêng về quyền lợi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của đối tượng người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng. Hiện tại, đối tượng người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng tham gia bảo hiểm y tế nằm đan xen trong các nhóm đối tượng khác nhau theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế. Tuy nhiên, về quyền lợi và mức hưởng bảo hiểm y tế của đối tượng này trong khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cũng đã được hỗ trợ, mở rộng, cụ thể:

Theo Luật Bảo hiểm y tế, từ năm 2015 thực hiện điều chỉnh tăng mức hưởng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ nghèo và bảo trợ xã hội từ 95% lên 100%; thân nhân của người có công với cách mạng và cựu chiến binh từ 80% lên 100%; người thuộc hộ cận nghèo từ 80% lên 95%; người có thời gian tham gia bảo hiểm y tế 5 năm liên tục trở lên và có sổ tiền cùng chi trả chi phí khám chữa bệnh trong năm lớn hơn 6 tháng lương không phải cùng chi trả; quy định “thông tuyến” khám chữa bệnh bảo hiểm y tế từ ngày 01/01/2016 đối với khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại tuyến huyện trên phạm vi toàn quốc, được hưởng đầy đủ quyền lợi khi khám chữa bệnh (quy định trước đây là khám chữa bệnh trái tuyến tại bệnh viện tuyến huyện chỉ được hưởng 70% chi phí khám chữa bệnh)...

Hiện nay, việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho nhóm đối tượng người già trên 75 tuổi chưa quy định trong Luật Bảo hiểm y tế. Bộ Y tế sẽ nghiên cứu, xem xét đưa vào nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm y tế trong thời gian tới.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số 7370 /BGTVT-KCHT

V/v: trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Quảng
Nam gửi tới trước Kỳ họp thứ 9, Quốc
hội khóa XIV.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2020

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI Q.NAM	
ĐẾN	Số: 180
	Ngày: 03/8/2020

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam

Bộ Giao thông vận tải nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 223/BDN ngày 15/6/2020, nội dung kiến nghị như sau:

Đề nghị sớm bố trí kinh phí trả nợ công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường địa phương được điều chỉnh thành quốc lộ giai đoạn 2013-2018, trong đó, có kinh phí thanh toán nợ các công trình sửa chữa, bảo trì các tuyến QL.40B, QL.24C, QL.14H của tỉnh Quảng Nam năm 2019 (12,918709 tỷ đồng).

Trước tiên, Bộ GTVT trân trọng cảm ơn cử tri và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam đã quan tâm, góp ý đối với công tác quản lý, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam nhằm giúp công tác quản lý nhà nước của Bộ GTVT ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của xã hội và người dân.

Về nội dung kiến nghị của cử tri nêu trên, Bộ GTVT trả lời như sau:

- Về bố trí kinh phí trả nợ công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường địa phương được điều chỉnh thành quốc lộ giai đoạn 2013 – 2018, Bộ GTVT đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 578/BGTVT-TC ngày 17/01/2020. Ngày 06/5/2020 Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 3577/VPCP-KTTH gửi các Bộ GTVT, Tài chính, Tư pháp thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, trong đó giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ GTVT thực hiện theo quy định và theo thẩm quyền; trường hợp có vấn đề vượt thẩm quyền, Bộ Tài chính chủ trì, thống nhất với Bộ GTVT đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước ngày 15/5/2020. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT tiếp tục có Văn bản số 4459/BGTVT-TC ngày 11/5/2020; Văn bản số 5562/BGTVT-TC ngày 09/6/2020; Văn bản số 6353/BGTVT-TC ngày 30/6/2020 đề nghị Bộ Tài chính sớm thực hiện.

- Trong khi chờ văn bản thống nhất của Bộ Tài chính, Bộ GTVT đã ban hành Quyết định số 1245/QĐ-BGTVT ngày 26/6/2020 giao dự toán (Lần 3) nguồn kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ đối với nguồn còn lại của năm 2020, trong đó Bộ GTVT đã ưu tiên giao dự toán chi cho các đơn vị để thanh toán kinh phí quản lý, bảo trì, xử lý khẩn cấp đảm bảo giao thông bước 1 còn nợ của các tuyến đường địa phương điều chỉnh thành quốc lộ.

- Bộ GTVT sẽ tiếp tục làm việc với Bộ Tài chính để sớm thống nhất việc thanh toán kinh phí quản lý, bảo trì các tuyến đường địa phương được điều chỉnh thành

quốc lộ giai đoạn 2013 – 2018 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam.

Trên đây là trả lời của Bộ GTVT đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam để trả lời cử tri và rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, góp ý của cử tri đối với ngành Giao thông vận tải./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam;
- Văn phòng Bộ (để tổng hợp);
- Cổng TT điện tử Bộ GTVT;
- Tổng cục ĐBVN;
- Vụ Tài chính;
- Sở GTVT Quảng Nam;
- Cục QLDB III;
- Lưu VT, KCHT (3).



Lê Đình Thọ

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM**

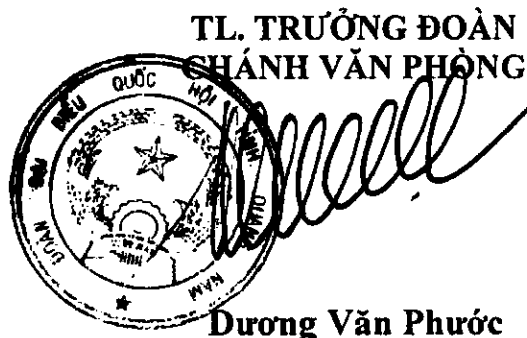
Số: 49 /SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.



Dương Văn Phước

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 6913 /BGTVT-VT

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2020

V/v trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Quảng
Nam gửi tới Kỳ họp thứ 9, Quốc hội
khóa XIV

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI Q. NAM	
ĐẾN	Số: 153
	Ngày: 20 / 7 / 2020

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam do Văn phòng Chính phủ chuyển đến theo Công văn số 5301/VPCP-QHĐP ngày 08/7/2020, nội dung kiến nghị như sau:

“Hiện nay, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô có điều chỉnh vấn đề sử dụng lao động nhưng giao cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Bộ Giao thông vận tải quy định. Đề nghị Chính phủ chỉ quy định Thanh tra ngành lao động chịu trách nhiệm kiểm tra xử lý vấn đề vi phạm pháp luật về lao động của các đơn vị kinh doanh vận tải nhằm tránh chồng chéo chức năng nhiệm vụ, mặt khác thẩm quyền và chế tài về xử lý vi phạm pháp luật về lao động không có quy định cho Thanh tra giao thông.”

Trước tiên, Bộ GTVT trân trọng cảm ơn Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam đã quan tâm, góp ý về lĩnh vực vận tải đường bộ, nhằm giúp công tác quản lý nhà nước của Bộ ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhân dân. Về nội dung kiến nghị của cử tri nêu trên, Bộ GTVT xin trả lời như sau:

- Tại điểm b khoản 2 Điều 86 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định về nhiệm vụ của Thanh tra đường bộ: *“Thanh tra, phát hiện, ngăn chặn và xử phạt vi phạm hành chính trong việc chấp hành các quy định về hoạt động vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải...”*;

- Tại điểm a khoản 6 Điều 23 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ đã giao Bộ GTVT chỉ đạo các cơ quan chức năng: *“Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan”*;

- Tại khoản 1 Điều 29 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ đã giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: *“Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện pháp luật lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, thời giờ làm việc, nghỉ ngơi của người lao động trong hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô”*;

- Tại điểm h khoản 4 Điều 28 của Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định chế tài xử phạt đối với đơn vị kinh doanh vận tải về hành vi: *“Sử dụng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe để tham gia kinh doanh vận tải bằng xe ô tô mà không có hợp*

đồng lao động theo quy định". Tại Điều 74 của Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra GTVT, trong đó có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nêu trên.

Theo các quy định nêu trên thì việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô tại đơn vị kinh doanh vận tải do cơ quan có thẩm quyền và lực lượng chức năng ngành GTVT chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan để thực hiện theo quy định. Qua thanh tra, kiểm tra, các hành vi vi phạm (*bao gồm cả hành vi: Sử dụng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe để tham gia kinh doanh vận tải bằng xe ô tô mà không có hợp đồng lao động theo quy định*) được Thanh tra GTVT xử lý theo đúng quy định.

Trên đây là trả lời của Bộ GTVT đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam để trả lời cử tri và rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, góp ý của cử tri đối với ngành GTVT. *msd*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Bộ (để tổng hợp);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Sở GTVT Quảng Nam;
- Lưu VT, V.Tài (Phong 3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Đình Thọ

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM**

Số: 50 /SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Dương Văn Phước

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 6918 /BGTVT-ATGT

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2020

V/v trả lời kiến nghị cử tri tỉnh
Quảng Nam gửi tới Kỳ họp thứ 9,

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH QUẢNG NAM

ĐẾNSố:154..... Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam
Ngày: 26/7/2020

Bộ Giao thông vận tải nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam do Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến theo công văn số 223/BDN ngày 15 tháng 6 năm 2020, nội dung kiến nghị như sau:

“Nội dung kiến nghị (câu 17): đề nghị giải thích rõ cụm từ “người có thẩm quyền xử phạt” quy định tại Điều 80 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/10/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Vì mức phạt chủ phương tiện thuộc thẩm quyền của Chánh Thanh tra cấp sở hoặc cao hơn, Thanh tra viên là người có thẩm quyền xử phạt chỉ đến 400.000 đồng, công chức thanh tra chỉ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính”.

Trước tiên, Bộ Giao thông vận tải (GTVT) trân trọng cảm ơn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam đã quan tâm, góp ý nhằm giúp công tác quản lý nhà nước của Bộ ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của xã hội và người dân. Về nội dung kiến nghị của cử tri nêu trên, Bộ Giao thông vận tải xin trả lời như sau:

“Người có thẩm quyền xử phạt” quy định tại Điều 80 là những người được quy định tại các Điều 75, 76 và 77 của Nghị định số 100/2019/NĐ-CP. Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện;

Nếu hình thức, mức xử phạt, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt.

Trên đây là trả lời của Bộ GTVT đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam để trả lời cử tri. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam;
- Sở GTVT tỉnh Quảng Nam;
- Văn phòng Bộ GTVT (để tổng hợp);
- Công thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu VT, ATGT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Đình Thọ

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM

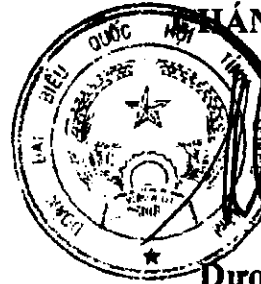
Số: 51 /SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.



**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
HÀNH VĂN PHÒNG**

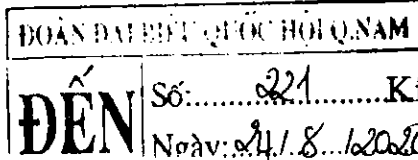
Dương Văn Phước

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2393/BKHCN-VP

V/v Trả lời kiến nghị của cử tri
tỉnh Quảng Nam

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2020



Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam

Tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) nhận được Công văn số 223/BDN ngày 15/6/2020 của Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải quyết kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam, Bộ KH&CN xin trả lời như sau:

Nội dung kiến nghị: *Hiện nay, Thông tư số 17/2011/TT-BKHCN ngày 30/6/2011 của Bộ KH&CN quy định về giải thưởng chất lượng Quốc gia đã hết hiệu lực. Để triển khai hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng Quốc gia tại địa phương đạt hiệu quả, đề nghị Bộ KH&CN sớm ban hành Thông tư mới thay thế Thông tư số 17 nêu trên theo hướng đơn giản hóa trong việc viết báo cáo đánh giá các tiêu chí.*

Trả lời:

Giải thưởng Chất lượng quốc gia (GTCLQG) là Giải thưởng xét tặng cho những doanh nghiệp áp dụng hiệu quả các mô hình, hệ thống quản lý tiên tiến; có thành tích nổi bật trong việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, năng lực cạnh tranh, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

Ngày 15/5/2018 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 74/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, trong đó có các quy định về GTCLQG. Nhằm tạo thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động GTCLQG được quy định tại Nghị định trên, ngày 26/12/2019, Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 27/2019/TT-BKHCN quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về GTCLQG. Nội dung Thông tư đã hướng dẫn và quy định chi tiết về:

- Hệ thống tổ chức hoạt động GTCLQG (bao gồm Cơ quan quản lý và điều hành GTCLQG và Hội đồng Giải thưởng các cấp);

- Quy trình đánh giá và Thủ tục đề nghị tặng GTCLQG (Quy trình đánh giá 02 cấp: Hội đồng sơ tuyển và Hội đồng quốc gia; Thủ tục đề nghị tặng GTCLQG và Quyền lợi của tổ chức, doanh nghiệp đạt GTCLQG);

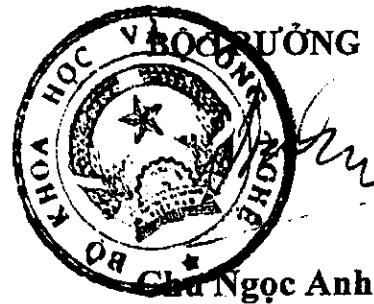
- Đề cử tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương;

- Trách nhiệm của các bên liên quan (Bộ KH&CN; Cơ quan Thường trực GTCLQG; các Bộ, ngành; tổ chức, doanh nghiệp đạt giải).

Trên đây là ý kiến trả lời của Bộ KH&CN đối với ý kiến của cử tri tỉnh Quảng Nam. Rất mong cử tri quan tâm, tìm hiểu thêm về Thông tư số 27/2019/TT-BKHCN và tham gia tích cực vào hoạt động xét tặng GTCLQG cũng như tiếp tục ủng hộ, đồng hành với Bộ KH&CN trong sự nghiệp phát triển của ngành KH&CN nước nhà thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện;
- TTCNTT;
- Lưu: VT, TĐC, VP.



QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM

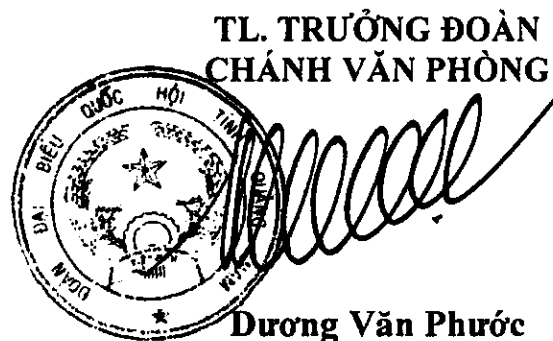
Số: 52 /SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- Sở KHCN, Sở Tư pháp tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.



**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Dương Văn Phước

**ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1372~~ /UBQLV-NL

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2020

V/v: giải quyết kiến nghị của cử tri gửi

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI QUẢNG NAM Hội trước kỳ họp thứ 9

ĐẾN	Số: 222
	Ngày 24/8/2020

Kính gửi:

- Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Cần Thơ.

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Ủy ban) nhận được văn bản số 223/BDN ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc chuyển kiến nghị của cử tri gửi tới Quốc hội trước kỳ họp thứ 9. Qua xem xét, Ủy ban nhận thấy cả 02 kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam và thành phố Cần Thơ được đề cập tại văn bản nêu trên đều thuộc lĩnh vực đầu tư các công trình điện do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (sau đây viết tắt là EVN) và đơn vị thành viên là Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia làm chủ đầu tư, vì vậy Ủy ban đã có văn bản số 1103/UBQLV-NL ngày 01 tháng 7 năm 2020 gửi Hội đồng thành viên EVN đề nghị chỉ đạo các bộ phận và các đơn vị liên quan khẩn trương nghiên cứu, xử lý triệt để các kiến nghị của cử tri tại văn bản nêu trên, báo cáo Ủy ban kết quả thực hiện.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, EVN đã có văn bản số 5364/EVN-KH (văn bản kèm theo) báo cáo Ủy ban kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri gửi tới Quốc hội trước kỳ họp thứ 9. Theo đó, EVN đã báo cáo về các nội dung kiến nghị của cử tri như sau:

1. Về đề nghị chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam quan tâm bố trí kinh phí san ủi mặt bằng khu tái định cư thôn Tà Đắc, xã Tà Bhing, huyện Nam Giang do ảnh hưởng điện lưới 500kV

- Kiến nghị của cử tri liên quan đến tuyến đường dây 500kV nhánh rẽ vào Trạm biến áp 500kV Thạnh Mỹ (thuộc công trình TBA 500 kV Thạnh Mỹ và nhánh rẽ - giai đoạn 2), đã được đóng điện vận hành từ năm 2014. Công tác đền bù cây cối, hoa màu, nhà, vật kiến trúc và các khoản hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng của tuyến đường dây này (công trình không bố trí tái định cư) đã được Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện hoàn thành,

đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Trên cơ sở kiến nghị của cử tri, Chủ đầu tư Dự án đã tiến hành kiểm tra thực tế hiện trường, kết quả như sau: nhà ở của người dân có khoảng cách và cường độ điện trường đều ở mức an toàn, khoảng cách từ các nhà dân ra đến pha gần nhất là 18m đến 60m theo phương ngang; độ cao dây dẫn đến điểm cao nhất của nhà là 20m, đã đảm bảo về an toàn điện theo quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014, vì vậy Chủ đầu tư Dự án không đủ cơ sở để giải quyết theo kiến nghị của cử tri.

2. Về đề nghị triển khai các giải pháp nhằm bảo đảm tiến độ thi công các dự án điện được phê duyệt và đã triển khai thực hiện (trong đó, có nhà máy nhiệt điện Ô Môn III, Ô Môn IV), nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư, đảm bảo cung ứng nguồn điện ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và đời sống nhân dân

- Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, EVN đã tích cực triển khai đầu tư Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Ô Môn và các dự án nhà máy điện tại Trung tâm Điện lực này để sử dụng và đồng bộ với tiến độ nguồn khí Lô B. Đến nay, EVN đã hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng và đã đưa vào vận hành Nhà máy nhiệt điện Ô Môn I với công suất 660MW (2x330MW).

- Đối với các dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III và Ô Môn IV: EVN đã triển khai công tác chuẩn bị đầu tư và đã được Bộ Công Thương phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi từ năm 2009-2010. Tuy nhiên, để đồng bộ với tiến độ chuỗi Dự án khí Lô B, các dự án này đã được giãn tiến độ và tiếp tục triển khai trở lại theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 733/TTg-CN ngày 29 tháng 5 năm 2017. Hiện tại, tình hình triển khai các dự án này như sau:

(i) Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III: Dự án đã được EVN trình xin phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Hiện tại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang là đầu mối chủ trì cùng các bộ, ngành, địa phương tiến hành thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án với mục tiêu khởi công năm 2022 và hoàn thành năm 2025.

(ii) Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn IV: Dự án đã được phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi. EVN đang triển khai thi công xây dựng các hạng mục phụ trợ trên công trường và đang hoàn thiện hồ sơ mời thầu gói thầu EPC với

mục tiêu khởi công vào Quý II/2021 và phát điện năm 2023, phù hợp với tiến độ cấp khí Lô B.

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trân trọng báo cáo Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam và Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Cần Thơ kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri gửi tới Quốc hội trước kỳ họp thứ 9./.

Nơi nhận:

- Như trên; (kèm theo văn bản số 5364/EVN-KH)
- UBQLV: PCT Hồ Sỹ Hùng, các vụ: TH, PCKSNB, TTTT (để đăng tải trên cổng thông tin của UB);
- EVN: TGD, KSV;
- Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;
- Lưu: VT, NL.

TTL



CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Anh

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM**

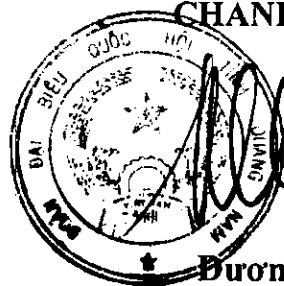
Số: 53 /SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- UBMTTQVN xã Tà Bính, UBMTTQVN huyện Nam Giang (để trả lời cử tri);
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.



**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Đương Văn Phước

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~5252~~ /BKHD-T-TH

Hà Nội, ngày ~~14~~ tháng 8 năm 2020

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam, Quốc hội khoá XIV

ĐẾN	Số: <u>228</u>
	Ngày: <u>27/8/2020</u>

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam ✓

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 223/BDN ngày 15/6/2020 của Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam gửi tới kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (số thứ tự 67 tại văn bản số 223/BDN): Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất chung văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại áp dụng chung cho các hợp tác xã (Hiện nay, việc thực hiện Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp và Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại đánh giá hợp tác xã có sự chồng chéo, gây khó khăn cho các hợp tác xã nông nghiệp. Bên cạnh đó, Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT có quy định về chế độ báo cáo: “Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, hợp tác xã nộp bảng tự chấm điểm đến cơ quan đăng ký hợp tác xã” là không hợp lý (vì ngày 31/12 hàng năm, các HTX mới kết thúc năm tài chính và lập báo cáo tài chính nên không thể đánh giá chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh trong năm của hợp tác xã, trích lập các Quỹ của hợp tác xã và các chỉ tiêu có liên quan). Đề nghị các bộ điều chỉnh cho phù hợp.

Trả lời:

- Tại Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng hướng dẫn tiêu chí phân loại hợp tác xã để thực hiện thống nhất trên cả nước. Thực hiện nhiệm vụ nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng và ban hành Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã. Thông tư này được quy định áp dụng chung cho tất cả các loại hình hợp tác xã trong phạm vi toàn quốc để hướng dẫn phân

loại, đánh giá hợp tác xã. Vì vậy, đề nghị tỉnh thực hiện theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT khi đánh giá chung cho tất cả các loại hình hợp tác xã.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, căn cứ theo yêu cầu của tổ chức/cá nhân cần đánh giá, so sánh đặc thù, chuyên ngành riêng thì có thể áp dụng theo Thông tư chuyên ngành đã ban hành như: Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc phân loại, đánh giá đối với hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp hoặc Thông tư số 42/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định xếp hạng quỹ tín dụng nhân dân.

- Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo đúng quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước được quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ và thống nhất chung với quy định về chế độ báo cáo của ngành kế hoạch và đầu tư tại Thông tư số 09/2019/TT-BKHĐT ngày 29/7/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước và hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng gửi Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Ban Dân nguyện (UBTVQH);
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, Cục PTHTX (bản điện tử);
- Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, Vụ THKTQĐ.

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM

Số: 54 /SY-ĐĐBQH



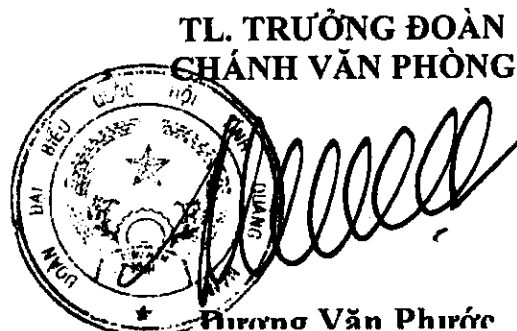
Nguyễn Chí Dũng

SAO Y BẢN CHÍNH

Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- Sở NN&PTNT tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.



**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Phạm Văn Phước

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5528**/BNN-KTHT

Hà Nội, ngày **14** tháng **8** năm 2020

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI QUẢNG NAM Quốc hội khóa XIV

ĐẾN

Số:.....**212**.....
Ngày: **21**./**8**./**2020**

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam✓

Bộ Nông nghiệp và PTNT nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam, do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 223/BDN, ngày 15 tháng 6 năm 2020, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (Câu số 118)

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần thống nhất chung văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại áp dụng chung cho các hợp tác xã (Hiện nay, việc thực hiện Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp và Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại đánh giá hợp tác xã có sự chồng chéo, gây khó khăn cho các hợp tác xã nông nghiệp. Bên cạnh đó, Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT có quy định về chế độ báo cáo: “Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, hợp tác xã nộp bảng tự chấm điểm đến cơ quan đăng ký hợp tác xã” là không hợp lý (vì ngày 31/12 hàng năm, các HTX mới kết thúc năm tài chính và lập báo cáo tài chính nên không thể đánh giá chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh trong năm của hợp tác xã, trích lập các Quỹ của hợp tác xã và các chỉ tiêu có liên quan). Đề nghị các Bộ điều chỉnh cho phù hợp.

Bộ Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước được phân công tại Điều 60 Luật Hợp tác xã năm 2012; nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong đó có mục tiêu phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả; Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (do Thông tư số 01/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành ngày 19/01/2006 về hướng dẫn tiêu chí đánh giá và phân loại hợp tác xã đã hết hiệu lực thi hành).

Sau 03 năm triển khai thực hiện Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT đã góp phần đánh giá, xác định thực trạng phát triển và phân loại hợp tác xã nông nghiệp, hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã nông

ng nghiệp và hoạt động chỉ đạo thực hiện “Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả” được thuận lợi.

Ngày 19/02/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã có hiệu lực từ ngày 01/4/2020, trong đó có hợp tác xã nông nghiệp với cách phân loại và tiêu chí đánh giá khác với Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT như cử tri đã phản ánh.

Để giải quyết những bất cập mà cử tri đã nêu, trong thời gian tới, Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ rà soát, đánh giá để sửa đổi Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Thông báo số 277/TB-VPCP ngày 06/8/2020 của Văn phòng Chính phủ: “Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao rà soát, bảo đảm các quy định của Bộ liên quan đến phân loại và đánh giá hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp không mâu thuẫn, chồng chéo, đảm bảo tính đặc thù của hợp tác xã nông nghiệp, phù hợp với Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cũng như các quy định của pháp luật có liên quan”. Dự kiến hoàn thành trong năm 2020.

Trên đây là trả lời của Bộ Nông nghiệp và PTNT đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ QHĐP);
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, KTHT.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Cường

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM**

Số: 55 /SY-ĐĐBQH

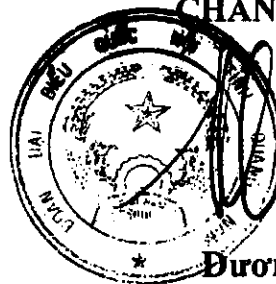
SAO Y BẢN CHÍNH

Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- Sở NN&PTNT, Sở KH&ĐT tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đương Văn Phước

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3034 /BVHTTDL-VP

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2020

V/v giải quyết kiến nghị của cử tri

trước Kỳ họp 9, Quốc hội khóa XIV

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI Q. NAM

ĐẾN

Số:.....215.....

Ngày: 21/..8..2020

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 223/BDN ngày 15/6/2020, nội dung kiến nghị như sau:

1. Cử tri huyện Nam Trà My đề nghị có cơ chế hỗ trợ các địa phương phát triển các mô hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, nhất là phát triển du lịch gắn với phát triển cây trồng dược liệu, du lịch gắn với Khu căn cứ cách mạng nước Là, huyện Nam Trà My (Câu số 2).

2. Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo theo hướng bổ sung khung hình phạt đối với hành vi không tháo dỡ bằng quảng cáo hư hỏng, rách nát, gây mất mỹ quan (thực tế hiện nay, Thanh tra Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra phát hiện hành vi vi phạm nói trên nhưng không có căn cứ để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền) (Câu số 3).

3. Đề nghị cần tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, tạm thời chưa mở cửa du lịch đối với khách nước ngoài (Câu số 4).

4. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét có quy định và hướng dẫn cụ thể danh mục các ngành nghề, lĩnh vực được xã hội hóa khai thác, hoạt động tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã và Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn để các địa phương triển khai thống nhất (Hiện nay, các thiết chế văn hóa, thể thao đã đầu tư xây dựng hoàn chỉnh muốn kêu gọi xã hội hóa khai thác, sử dụng các thiết chế này cũng gặp rất nhiều vướng mắc bởi Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) (Câu số 5).

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xin trả lời như sau:

1. Về đề nghị có cơ chế hỗ trợ phát triển các mô hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng

Việc xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn huyện/tỉnh là cần thiết và phù hợp với Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới và Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Hàng năm, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đều tổ chức các chương trình khảo sát phát triển sản phẩm du lịch tại các địa phương. Năm 2019, Bộ đã phối hợp với Sở Du lịch Quảng Nam tổ chức đoàn khảo sát gồm các chuyên gia trong ngành và các doanh nghiệp lữ hành khảo sát hiện trạng, đề xuất hướng đầu tư phát triển các sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Các hoạt động cụ thể tiếp theo sẽ do Sở Du lịch phối hợp với các huyện triển khai.

Theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 75 Luật Du lịch năm 2017, việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển du lịch thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp. Do đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam chuyển kiến nghị của cử tri đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết theo quy định.

Đối với việc phát triển du lịch gắn với phát triển cây trồng dược liệu, hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang phối hợp với Bộ Y tế xây dựng Đề án “Phát triển các loại hình dịch vụ y dược cổ truyền phục vụ khách du lịch” và phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các nghiên cứu nhằm phát triển cây dược liệu phục vụ y tế và du lịch. Các đề án, nhiệm vụ này sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ công bố để các địa phương có cơ sở phát triển sản phẩm phù hợp.

2. Về đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ

Quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trong hoạt động quảng cáo bằng bảng quảng cáo, băng-rôn đã được Nghị định số 158/2013/NĐ-CP quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 60, cụ thể hành vi “Không tự tháo dỡ bảng quảng cáo, băng-rôn đã hết hạn ghi trong thông báo” với hình thức xử phạt chính là “phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng” và biện pháp khắc phục hậu quả là “buộc tháo dỡ quảng cáo”.

3. Về đề nghị tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, tạm thời chưa mở cửa du lịch đối với khách nước ngoài

Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 219/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 30/6/2020: “Chưa mở cửa cho khách du lịch quốc tế nhập cảnh Việt Nam. Các doanh nghiệp du lịch, lữ hành cần có kế hoạch sẵn sàng đón khách du lịch quốc tế trở lại khi điều kiện cho phép...”. Do đó trong giai đoạn này, thị trường du lịch nội địa vẫn là ưu tiên hàng đầu với những chính sách kích cầu mới, hấp dẫn hơn để thu hút người dân đi du lịch trong nước. Tuy nhiên, bên cạnh việc đẩy mạnh kích cầu du lịch nội địa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã chỉ đạo ngành Du lịch Việt Nam xây dựng kịch bản, phương án để chuẩn bị tốt các điều kiện và sẵn sàng để thu hút và đón khách quốc tế ngay khi điều kiện cho phép.

4. Về đề nghị có quy định và hướng dẫn cụ thể danh mục các ngành nghề, lĩnh vực được xã hội hóa khai thác, hoạt động tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã và Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn

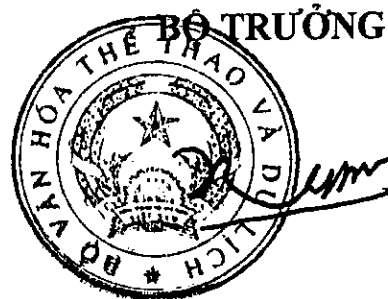
Hiện nay, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản về khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường nói chung và đối với huy động nguồn lực xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng, trong đó có Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

Thực tế hiện nay, nhiều địa phương trong cả nước đã và đang cho phép các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (đặc biệt là Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã và Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn) phối hợp với các tổ chức, cá nhân để tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao và vui chơi giải trí cho nhân dân dựa trên việc xây dựng các quy chế hoạt động theo quy định của pháp luật và phù hợp với thực tiễn địa phương. Một số hoạt động cụ thể: đầu tư bể bơi, sân bóng đá mini, khu vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, tổ chức mừng thọ, đám cưới, phục vụ hội họp, liên hoan văn nghệ của các ngành, đoàn thể tại địa phương...

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam để trả lời cử tri. / *nh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTGP Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Đoàn Chủ tịch UBTTMTQ Việt Nam;
- Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (các Vụ: QHĐP, KGVX);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam;
- Bộ VHTTDL: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, TCDL, Vụ KHTC, Vụ PC, Cục VHCS, Công TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, VP (TH), HQ (27).



Nguyễn Ngọc Thiện

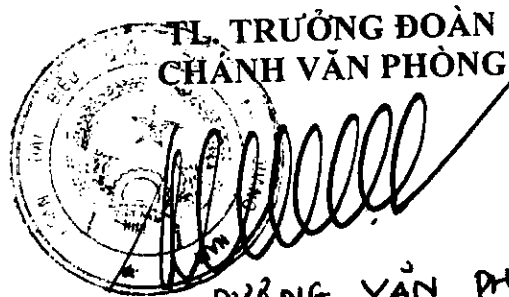


QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM
Số: 56 /SY-ĐDBQH

SAO Y BẢN CHÍNH
Quảng Nam, ngày 7 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- Sở VH-TT&DL tỉnh;
- UBMTTQVN các huyện, thị xã, thành phố (để trả lời cử tri);
- CPVP;
- Lưu: VPĐBQH



DƯƠNG VĂN PHƯỚC

Số: 3029 /BVHTTDL-VP

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2020

V/v giải quyết kiến nghị của cử tri

trước Kỳ họp 9 Quốc hội khóa XIV

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI Q. NAM

ĐẾN

Số: 214

Ngày: 21/8/2020

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam do Văn phòng Chính phủ chuyển đến theo Công văn số 5301/VPCP-QHĐP ngày 01/7/2020, nội dung kiến nghị như sau:

Đề nghị công nhận một số cây cổ thụ trên địa bàn xã Gari, huyện Tây Giang, Quảng Nam là cây Di sản Việt Nam (Câu số 139).

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xin trả lời như sau:

Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định việc công nhận cây di sản. Vì vậy, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không có cơ sở để thực hiện việc công nhận. Về việc này, ngày 06/9/2017, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Công văn số 3754/BVHTTDL-TTr báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc quản lý việc chứng nhận, tôn vinh của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngề nghiệp. Ngày 29/9/2017, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 10316/VPCP-TCCV thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ: “Các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội, trong đó lưu ý quản lý chặt chẽ việc công nhận, tôn vinh, phong tặng các danh hiệu theo quy định của pháp luật và điều lệ của hội”.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam để trả lời cử tri. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgCP Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Đoàn Chủ tịch UBTTMTQ Việt Nam;
- Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (các Vụ: QHĐP, KGVX);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam;
- Bộ VHTTDL: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, Vụ KHTC, Cục DSVH, Công TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, VP (TH), HQ (27).

BỘ TRƯỞNG*[Chữ ký]*
Nguyễn Ngọc Thiện

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM

Số: 57/SY-ĐĐBQH

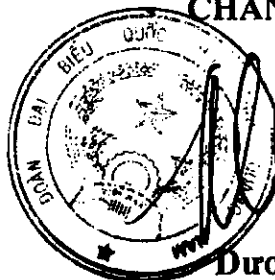
SAO Y BẢN CHÍNH

Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- UBMTTQVN huyện Tây Giang (để trả lời cử tri);
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG



Dương Văn Phước

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5533** /BNN-BVTV

Hà Nội, ngày **14** tháng **8** năm **2020**

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
Quốc hội khóa XIV

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI QUẢNG NAM

ĐẾN Số:.....**213**.....
Ngày: **21/8/2020**

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam ✓

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam, do Văn phòng Chính phủ chuyển đến theo công văn số 5301/VPCP-QHĐP, ngày 01 tháng 7 năm 2020, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (Câu số 69)

Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học có ngành khoa học cây trồng nhưng không còn ngành trồng trọt. Hiện tại, nhiều trường đại học nông nghiệp cũng đã đào tạo chuyên ngành khoa học cây trồng thay vì đào tạo chuyên ngành trồng trọt như trước đây. Tuy nhiên, tại Điểm c, khoản 2, Điều 42 của Luật Trồng trọt năm 2018 quy định về điều kiện buôn bán phân bón: “Người trực tiếp buôn bán phân bón phải được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trừ trường hợp đã có trình độ từ trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học”; đồng thời, tại Điểm c, khoản 1, Điều 63 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013 quy định điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: “Chủ cơ sở buôn bán thuốc và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc có giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật”. Do đó, trong thời gian qua, nhiều tổ chức, cá nhân có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành khoa học cây trồng nhưng không đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật và phân bón. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành xem xét, giải quyết.

Bộ Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Theo pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, điều kiện về nhân lực của cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 63 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013 và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

Theo pháp luật về trồng trọt, điều kiện về nhân lực của cơ sở buôn bán phân bón được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Trồng trọt năm 2018;

Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học: “Ngành là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, do Bộ Giáo dục và Đào tạo thống kê, phân loại”.

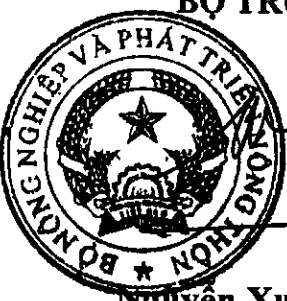
Như vậy, trong trường hợp các ngành đào tạo có sự thay đổi về tên gọi so với trước đây thì cần có phương án/ xác nhận phù hợp. Bộ ghi nhận kiến nghị của cử tri và sẽ phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo để thống nhất phương án giải quyết theo đúng các quy định pháp luật.

Trên đây là trả lời của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ QHĐP);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để p/h);
- TT. Lê Quốc Doanh (để c/đ);
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, BVTV.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Cường

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM**

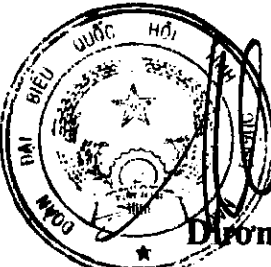
Số: 58 /SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH
Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- Sở NN&PTNT, Sở Giáo dục và Đào tạo;
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đương Văn Phước

BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **4031** /BXD-GDHà Nội, ngày **19** tháng **8** năm 2020V/v trả lời kiến nghị Cử tri gửi tới Quốc hội
trước Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV.**ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI Q.NAM****ĐẾN**Số:.....**223**.....Ngày.....**24.18.2020**.....

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam

Bộ Xây dựng đã nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam gửi kèm Công văn số 223/BDN ngày 15/6/2020 của Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc chuyển kiến nghị của cử tri gửi tới Quốc hội trước kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV.

Nội dung kiến nghị: “Theo Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng: Đường trong đô thị có vận tốc thiết kế từ 60Km/h đến 80Km/h là công trình cấp I. Theo đó, các công trình này phải do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định thiết kế theo quy định tại khoản 1, Điều 24 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Như vậy, các công trình trong đô thị có giải pháp cách giữa thường được thiết kế có vận tốc tối thiểu 60Km/h của 36 tỉnh, thành phố sẽ trình các Bộ thẩm định, việc này sẽ làm tăng đột biến khối lượng công việc của các Bộ, khả năng kéo dài thời gian thẩm định, khó khăn cho các địa phương.... Trong khi đó, tính phức tạp của các công trình này không cao, các Sở chuyên ngành của địa phương có thể thẩm định và đã thẩm định theo quy định trước đây; đồng thời, các công trình này nếu thuộc dự án nhóm B, C thì thiết kế cơ sở do các Sở Xây dựng chuyên ngành thẩm định. Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét lại nội dung này.” (Câu số 03).

Về vấn đề này, Bộ Xây dựng xin trả lời như sau:

1. Quy định về phân cấp công trình xây dựng ngoài việc liên quan đến xác định thẩm quyền thẩm định hồ sơ thiết kế còn liên quan đến nhiều nội dung quản lý khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 10/3/2016 của Chính phủ quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng (ví dụ: quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xác định công trình bắt buộc phải lập chỉ dẫn kỹ thuật, phân cấp sự cố công trình xây dựng và thẩm quyền giải quyết sự cố công trình xây dựng, v.v..).

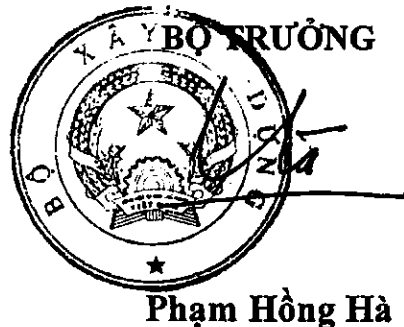
2. Khi xây dựng Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Bộ Xây dựng đã lấy ý kiến Bộ Giao thông Vận tải, các Địa phương và các cơ quan có liên quan về nội

dung quy định phân cấp “Đường trong trong đô thị có vận tốc thiết kế từ 60Km/h đến 80Km/h là công trình cấp I” và nhận được sự đồng thuận; đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan. Hiện nay Bộ Xây dựng đang thực hiện xây dựng dự thảo Nghị định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng theo quy định của Luật số 62/2020/QH14 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13” được Quốc hội Khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; trong đó có hướng dẫn về phân loại, phân cấp công trình xây dựng bao gồm cả công trình “Đường trong trong đô thị”. Bộ Xây dựng sẽ đề xuất, lấy ý kiến Bộ Giao thông Vận tải, các Địa phương và các cơ quan có liên quan về nội dung này.

Trên đây là trả lời của Bộ Xây dựng đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam. Bộ Xây dựng chân thành cảm ơn sự quan tâm của cử tri và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam đối với ngành Xây dựng trong thời gian qua và mong tiếp tục nhận được nhiều ý kiến đóng góp trong thời gian tới. /./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Dân nguyện;
- Đoàn Chủ tịch UBTTWMTTQVN;
- Tổng thư ký Quốc hội;
- Bộ trưởng Chủ nhiệm VPCP;
- TT. HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, CGĐ.



QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM

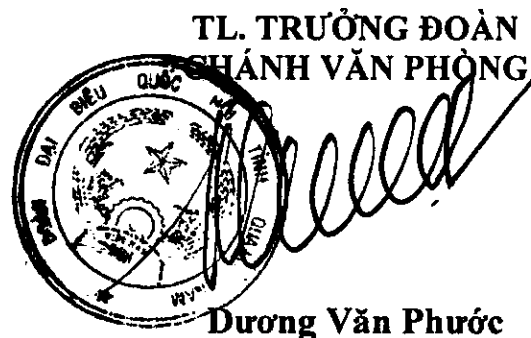
Số: 59 /SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Quảng Nam, ngày 17 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- Sở Xây dựng, Sở GTVT tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.



BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số ~~2987~~ 223/BTP-VP

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

V/v trả lời kiến nghị của cử tri
gửi tới Kỳ họp thứ 9, Quốc hội
khóa XIV

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI QUẢNG NAM**ĐẾN**

Số: 209

Ngày: 20/8/2020

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam

Bộ Tư pháp nhận được 04 kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam do Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến theo Công văn số 223/BDN ngày 15/6/2020. Sau khi nghiên cứu nội dung các kiến nghị, Bộ Tư pháp xin trả lời như sau:

Kiến nghị số 1¹: Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) quy định: “Việc xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản phải được người có thẩm quyền xử phạt lập thành hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Hồ sơ bao gồm biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các tài liệu, giấy tờ có liên quan và phải được đánh bút lục”. Tuy nhiên, hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về việc đánh bút lục hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, dẫn đến việc không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng không thống nhất. Đề nghị Chính phủ quy định cụ thể nội dung này.

Trả lời:

Khoản 2 Điều 57 Luật XLVPHC quy định: “*Việc xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản phải được người có thẩm quyền xử phạt lập thành hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Hồ sơ bao gồm biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt hành chính, các tài liệu, giấy tờ có liên quan và phải được đánh bút lục. Hồ sơ phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ*”.

Việc đánh bút lục đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính nhằm mục đích thực hiện tốt công tác bảo quản, lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, tạo thuận lợi cho việc tra cứu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp cần thiết (khi có khiếu nại, tố cáo, khởi kiện, xem xét sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính...). Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn về cách đánh bút lục, thứ tự đánh bút lục, cách sắp xếp hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, Bộ Tư pháp xin ghi nhận ý kiến của cử tri và sẽ tiếp tục tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất Chính phủ xây dựng quy định hướng dẫn nội dung này trong thời gian tới.

Kiến nghị số 2²: Luật Xử lý vi phạm hành chính không quy định về thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế; trong khi đó, tại khoản 3, Điều 5 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi

¹ Câu số 4, Công văn số 223/BDN.

² Câu số 5, Công văn số 223/BDN

hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định về thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế là 15 ngày, dẫn đến trường hợp thời hạn thi hành theo quyết định đã hết nhưng chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa xong quyết định cưỡng chế thì có tiếp tục thực hiện cưỡng chế hay không vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Đề nghị Chính phủ hướng dẫn cụ thể.

Trả lời:

Về thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế, Luật XLVPHC và Nghị định số 166/2013/NĐ-CP không có quy định về thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế. Hiện nay dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC (trình Quốc hội) đã dự kiến bổ sung khoản 2a Điều 88 Luật XLVPHC theo hướng quy định:

“2a. Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế được tính kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế cho đến thời điểm chấm dứt hiệu lực thi hành của quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật này; quá thời hạn này thì không thi hành quyết định cưỡng chế đó nữa, trừ trường hợp quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải cưỡng chế tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.”.

Kiến nghị số 3³: Hiện nay, một số đối tượng vi phạm hành chính bị xử phạt bằng hình thức phạt tiền, không chấp hành quyết định xử phạt nhưng rất khó cưỡng chế thi hành (vì hầu hết các đối tượng này đều là lao động tự do). Cơ quan, đơn vị không đủ thẩm quyền để xác định tài khoản ngân hàng của người vi phạm hoặc không có tài khoản tại ngân hàng. Nếu thực hiện kê biên tài sản thì dễ tạo điểm nóng trong dư luận nên khó thực hiện. Bên cạnh đó, quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thực tiễn áp dụng rất khó khăn như việc xác minh tài sản kê biên, tài khoản tiền gửi của người bị xử phạt, nếu không xác minh thì không có căn cứ ra quyết định cưỡng chế nhưng nếu xác minh có thể dẫn đến việc tẩu tán tài sản; ngoài ra, để thực hiện việc xác minh thì cần đến con người và kinh phí thực hiện, tuy nhiên, hiện nay do tình giãn biên chế và kinh phí hạn chế nên rất khó tiến hành các cuộc xác minh. Đề nghị tháo gỡ khó khăn trên.

Trả lời:

Về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt tiền, đây là một trong những khó khăn, bất cập trong quá trình tổ chức thực thi pháp luật về XLVPHC, Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của cử tri và sẽ tổng hợp những khó khăn, vướng mắc nêu trên, tiếp tục nghiên cứu để đề xuất giải pháp xử lý trong thời gian tới.

Kiến nghị số 4⁴: Đề nghị Bộ Tư pháp sớm sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, trong đó, có quy định cụ thể

³ Câu số 6, Công văn số 223/BDN.

⁴ Câu số 7, Công văn số 223/BDN.

về việc xác lập hồ sơ minh chứng cho từng tiêu chí cụ thể để các địa phương thực hiện thống nhất, chặt chẽ, tránh tình trạng mỗi địa phương làm mỗi kiểu; ban hành văn bản quy định cụ thể mức chi kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

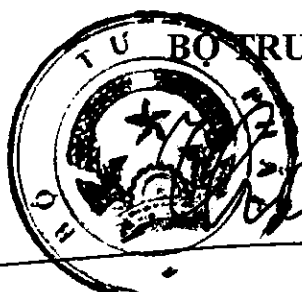
Trả lời:

Năm 2019, Bộ Tư pháp đã tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 và sơ kết 02 năm thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Ngày 19/3/2020, Bộ Tư pháp có Công văn số 979/BTP-PBGDPL, trong đó đề nghị các địa phương tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2017/TT-BTP trong đó có bất cập từ quy định của 02 văn bản này và gửi về Bộ Tư pháp để đề xuất sửa đổi, bổ sung. Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 619/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2017/TT-BTP đã được đưa vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch ban hành các văn bản, đề án của Bộ Tư pháp năm 2020. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang triển khai xây dựng dự thảo các văn bản bổ sung, thay thế Quyết định số 619/QĐ-TTg, Thông tư số 07/2017/TT-BTP; dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành trong năm 2020.

Trên đây là trả lời của Bộ Tư pháp đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Nam, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTg TTCP Trương Hòa Bình (để báo cáo);
- Ban Dân nguyện, UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, VP(TH&KSTTHC).

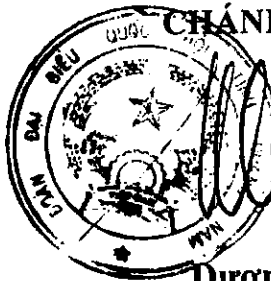

Lê Thành Long

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NAM
Số: 60 /SY-ĐĐBQH**

SAO Y BẢN CHÍNH
Quảng Nam, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND huyện Hiệp Đức (để trả lời cử tri);
- CPVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Dương Văn Phước